

Thư Thứ Nhất của Phao-lô gửi Người Cô-rinh-tô (1 Cô-rinh-tô)

Mục-dịch: Để nhận-biết các vấn-đề trong Hội-thánh Cô-rinh-tô, đề-nghị các giải-pháp, và dạy-dỗ các tín-nhân cách sống vì Cơ-rít-tô trong một xã-hội đôi-bại.

Người viết: Phao-lô

Viết cho: Hội-thánh tại Cô-rinh-tô

Lúc viết: Khoảng 55 SC (Sau Cơ-rít-tô Giáng-sinh), gần cuối 3 năm mục-vụ của Phao-lô tại Ê-phê-sô trong hành-trình truyền-giáo lần thứ ba của ông.

Bối-cảnh: Cô-rinh-tô là một thành-phố quốc-tế, một hải-cảng và một trung-tâm thương-mại chính—một thành-phố quan-trọng nhất trong vùng A-chai. Nó cũng đầy-dẫy hình-tượng và đôi-bại vô đạo-đức. Hội-thánh gồm phần lớn là những người không phải dân Giu-đa. Phao-lô đã thành-lập hội-thánh này trong cuộc hành-trình truyền-giáo lần thứ hai của ông.

Câu gốc: “Bây giờ tôi cô-xúy anh em, hỡi anh em, bởi danh của Chúa Giê-xu Cơ-rít-tô chúng ta, rằng tất cả anh em nói cùng một điều, và chẳng có các sự chia rẽ giữa anh em, nhưng anh em hãy được làm trọn vẹn trong cùng một tâm-trí và trong cùng một suy xét.” (1.10)

Nhân-vật chính: Phao-lô, Ti-mô-thê, các phần-tử thuộc gia-đình Cơ-lô-ê

Các địa-điểm chính: Các chỗ nhóm thờ-phượng trong Cô-rinh-tô

Đặc-điểm: Thư viết một cách thẳng-thắn và mạnh-bạo

Ý chính: Trên đám cỏ, da con cắc-kè đổi thành màu xanh. Trên mặt đất, nó đổi thành màu nâu. Thứ-vật thay-đổi để hợp với cảnh-trạng xung-quanh. Nhiều sinh-vật pha-trộn vào trong thiên-nhiên với các màu hóa-trang Đức Chúa TRỜI ban cho để giúp cho việc sống còn. Ấy là lẽ tự-nhiên để hợp với cảnh-trạng xung-quanh. Nhưng các người theo Cơ-rít-tô là những người được tân-tạo, sinh từ trên cao và thay-đổi từ bên trong, với các giá-trị và những cách sống đối-lập thế-gian và không hòa-hợp với lối sống của thế-gian. Tín-nhân chân-thật không hòa-hợp được với người thế-gian.

Các Cơ-rít-nhân tại Cô-rinh-tô đã đang vật-lộn với cảnh-trạng xung-quanh. Bị bao-vây bởi sự đôi-bại và mọi tội-lỗi, họ bị áp-lực để thích-nghi. Họ biết mình được tự-do trong Cơ-rít-tô, nhưng tự-do này nghĩa là gì? Họ phải nghĩ như thế nào về hình-tượng và tình-dục. Họ phải ứng xử như thế nào về

hôn-nhân, phụ-nữ trong hội-thánh, và các ân-tử của Đức Thánh-Linh? Hội-thánh đang bị phá-hoại ngấm-ngấm vì vô-luân và sự ấu-trĩ thuộc linh. Đức-tin họ bị thử-thách trong sự khắc-nghiệt của những người Cô-rinh-tô vô-luân, và có người trong họ bị thất-bại trong cuộc thử-thách.

Phao-lô nghe về các sự việc trên và viết thư này để thảo-luận các vấn-đề ấy, chữa lành sự chia rẽ, và trả lời các câu hỏi của họ. Phao-lô đương-đầu với họ về các thứ tội-lỗi, các hành-động cần sửa đổi, và sự giao-phó của họ cho Cơ-rít-tô.

Sau phần dẫn-nhập ngắn (1.1-1.9), Phao-lô tức-khắc nói đến vấn-đề hiệp một (1.10-4.21). Ông nhấn mạnh thông-điệp tin-lành giản-dị và rõ-ràng mà tất cả tín-nhân phải quây-quần hợp với nhau; ông giải-thích địa-vị của những người lãnh-đạo hội-thánh; ông thúc-giục họ phải trưởng-thành bằng đức-tin của họ.

Phao-lô đương-đầu với sự loạn-luân của vài phần-tử trong hội-thánh và sự kiện-cáo giữa các Cơ-rít-nhân (5.1-6.8). Ông bảo họ phải thi-hành kỷ-luật hội-thánh và tự giải-quyết vấn-đề với nhau trong hội-thánh. Phao-lô cực-lực lên án tội tình-dục (6.9-6.20). Kế đó, Phao-lô trả lời vài câu hỏi mà người Cô-rinh-tô đã hỏi. Bởi vì tẻ-trạng mãi-dâm và vô-luân lan tràn, các hôn-nhân tại Cô-rinh-tô bị lung-lạc, các Cơ-rít-nhân không biết cách phân-ting chắc-chắn. Phao-lô cho họ giải-pháp thiết-thực (7.1-7.40).

Về vấn-đề đồ ăn cúng hình-tượng, Phao-lô khuyên chúng ta phải hoàn-toàn giao-phó cho Cơ-rít-tô và nhạy cảm với các tín-nhân khác (8.1-11.2).

Phao-lô nói tiếp về sự thờ-phượng, địa-vị của phụ-nữ, và các ân-tử thuộc linh (11.3-14.39). Xen giữa đoạn này là sự diễn-tả tuyệt-diệu của ông về ân-tử vĩ-đại nhất là tình yêu-thương (đoạn 13). Đoạn Phao-lô kết-luận với đoạn thảo-luận về sự sống lại (15.1-15.58), vài tư-tưởng cuối cùng, lời chào thăm, và chúc phước (16.1-16.24).

Thư này kêu gọi tất cả Cơ-rít-nhân cẩn-thận chớ hòa-đồng với thế-gian. Chúng ta sống đặt trọng-tâm nơi Cơ-rít-tô, không chỗ trách được, thương-yêu nhau.

1 Cô-rinh-tô 1.1-1.12

A. PHAO-LÔ CHỈ RA CÁC VẤN-ĐỀ CỦA HỘI-THÁNH (1.1-6.20)

Lời chào-thăm và mở-đầu bức thư (1.1-1.3)

1 Phao-lô, được gọi làm một sứ-đồ của Giê-xu Cơ-rít-tô bởi ý-muốn của Đức Chúa TRỜI, và Sốt-then anh em của chúng ta,

2 Gửi đến hội-thánh của Đức Chúa TRỜI tại Cô-rinh-tô, đến những người đã được thánh hóa trong Cơ-rít-tô Giê-xu, những thánh-đồ bởi sự kêu gọi, với mọi người cầu-khẩn danh của Chúa Giê-xu Cơ-rít-tô của chúng ta ở mọi nơi, *Chúa* của họ và của chúng tôi:

3 Nguyên xin ân-điển cho anh em và bình-an từ Đức Chúa TRỜI Cha của chúng ta và Chúa Giê-xu Cơ-rít-tô.

1. Sự chia-rẽ trong hội-thánh (1.4-4.21)

Phao-lô tạ ơn Đức Chúa TRỜI (1.4-1.9)

4 Tôi luôn luôn tạ-ơn Đức Chúa TRỜI của tôi về anh em, vì ân-điển của Đức Chúa TRỜI đã được ban cho anh em trong Cơ-rít-tô Giê-xu, **5** rằng trong mọi sự anh em đã được làm phong-phú trong Ngài, trong mọi lời nói và mọi sự hiểu-biết, **6** ngay cả như chứng-cớ về Cơ-rít-tô đã được làm vững chắc trong anh em, **7** để anh em không thiếu bất cứ một ân-tử nào, hăm-hở chờ đợi sự hiện ra của Chúa Giê-xu Cơ-rít-tô của chúng ta, **8** là Đấng cũng sẽ làm vững chắc anh em cho đến cuối cùng, không thể trách được trong ngày của Chúa Giê-xu Cơ-rít-tô của chúng ta. **9** Đức Chúa TRỜI thì thành-tín, qua Ngài anh em đã được gọi vào trong sự thông-giao với Con Trai của Ngài, Giê-xu Cơ-rít-tô Chúa của chúng ta.

Phao-lô khẩn-cầu sự hòa-thuận (1.10-1.17)

10 Bây giờ tôi cố-xúy anh em, hỡi anh em, bởi danh của Chúa Giê-xu Cơ-rít-tô của chúng ta, rằng tất cả anh em nói cùng một điều, và chẳng có các sự chia rẽ giữa anh em, nhưng anh em hãy được làm trọn vẹn trong cùng một tâm-trí và trong cùng một suy xét. **11** Vì tôi đã được cho biết về anh em, hỡi anh em của tôi, bởi người của Cơ-lô-ê, rằng có các sự cãi vã giữa anh em. **12** Bây giờ tôi muốn nói điều này, rằng mỗi người trong anh em nói: “Tôi thuộc về Phao-lô,” và “Tôi thuộc về A-bô-lô,” và “Tôi thuộc về Sê-pha,” và “Tôi thuộc về Cơ-rít-tô.”

1 Corinthians 1.1-1.12

A. PAUL ADDRESSES CHURCH PROBLEMS (1.1-6.20)

Greeting and opening letter (1.1-1.3)

1 Paul, called as an apostle of Jesus Christ by the will of God, and Sosthenes our brother,

2 To the church of God which is at Corinth, to those who have been sanctified in Christ Jesus, saints by calling, with all who in every place call on the name of our Lord Jesus Christ, their Lord and ours:

3 Grace to you and peace from God our Father and the Lord Jesus Christ.

1. Division in the church (1.4-4.21)

Paul thanks God (1.4-1.9)

4 I thank my God always concerning you, for the grace of God which was given you in Christ Jesus, **5** that in everything you were enriched in Him, in all speech and all knowledge, **6** even as the testimony concerning Christ was confirmed in you, **7** so that you are not lacking in any gift, awaiting eagerly the revelation of our Lord Jesus Christ, **8** who shall also confirm you to the end, blameless in the day of our Lord Jesus Christ. **9** God is faithful, through whom you were called into fellowship with His Son, Jesus Christ our Lord.

Paul appeals for harmony (1.10-1.17)

10 Now I exhort you, brethren, by the name of our Lord Jesus Christ, that you all speak the same thing, and there be no divisions among you, but you be made complete in the same mind and in the same judgment. **11** For I have been informed concerning you, my brethren, by Chloe's people, that there are quarrels among you. **12** Now I mean this, that each one of you is saying, "I am of Paul," and "I of Apollos," and "I of Cephas," and "I of Christ."

1 Corinthians 1.13-1.23

13Has Christ been divided? Paul was not crucified for you, was he? Or were you baptized in the name of Paul? 14I thank God that I baptized none of you except Crispus and Gaius, 15that no man should say you were baptized in my name. 16Now I did baptize also the household of Stephanas; beyond that, I do not know whether I baptized any other. 17For Christ did not send me to baptize, but to preach the gospel, not in wisdom of speech, that the cross of Christ should not be made void.

Christ brings us life from God (1.18-1.31)

18For the word of the cross is foolishness to those who are perishing, but to us who are being saved it is the power of God. 19For it is written,

“I WILL DESTROY THE WISDOM OF THE WISE,
AND THE CLEVERNESS OF THE CLEVER I WILL
SET ASIDE.”

20Where is the wise man? Where is the scribe? Where is the debater of this age? Has not God made foolish the wisdom of the world? 21For since in the wisdom of God the world through its wisdom did not *come to* know God, God was well-pleased through the foolishness of the preaching to save those who believe. 22For indeed Jews ask for signs and Greeks search for wisdom; 23but we preach Christ crucified, to Jews a stumbling block and to Greeks foolishness,

1 Cô-rinh-tô 1.13-1.23

13Có phải Cô-rít-tô đã bị chia ra? Phao-lô đã chẳng bị đóng đinh trên thập-tự-giá vì anh em, có chẳng? Hay anh em đã được báp-tem nhân danh Phao-lô? 14Tôi cảm-tạ Đức Chúa TRỜI rằng tôi đã chẳng báp-tem một người nào trong anh em ngoại trừ Cô-rít-bu và Gai-út, 15để không ai được nói anh em đã được báp-tem nhân danh tôi. 16Bấy giờ tôi cũng đã báp-tem gia-hộ của Sê-pha-na; quá điều đó, tôi không biết mình đã báp-tem một người nào khác. 17Vì Cô-rít-tô đã chẳng sai tôi đi để báp-tem, song để thuyết-giảng tin-lành, không bằng sự khôn-ngoan của lời nói, để thập-tự-giá của Cô-rít-tô không bị làm trống.

Cô-rít-tô đem cho chúng ta sự sống từ Đức Chúa TRỜI (1.18-1.31)

18Vì lời về thập-tự-giá là sự đại-dột đối với những kẻ đang diệt vong, nhưng đối với chúng ta, những kẻ được cứu, là quyền-năng của Đức Chúa TRỜI. 19Vì được viết:

“TA SẼ TRIỆT PHÁ SỰ KHÔN-NGOAN CỦA KẸ
KHÔN-NGOAN
VÀ SỰ LANH-LỢI CỦA KẸ LANH-LỢI TA SẼ ĐẸP
ĐI.”⁽¹⁾

20Đâu là người khôn-ngoan⁽²⁾? Đâu là thầy thông-giáo? Đâu là tranh-luận-gia của thời-đại này? Há Đức Chúa TRỜI đã chẳng làm sự khôn-ngoan của thế-gian thành đại-dột sao? 21Vì từ lâu trong sự khôn-ngoan của Đức Chúa TRỜI, thế-gian qua sự khôn-ngoan của nó đã chẳng *đến chỗ* nhận biết⁽³⁾ Đức Chúa TRỜI, Đức Chúa TRỜI đã rất hài-lòng qua sự đại-dột của việc thuyết-giảng *tin-lành* để cứu những kẻ tin. 22Vì quả thật các người Giu-đa xin các dấu hiệu, và các người Gờ-réc tìm sự khôn-ngoan; 23nhưng chúng ta thuyết-giảng Cô-rít-tô bị đóng đinh trên thập-tự-giá, đối với các người Giu-đa *đó là một tảng đá làm sậy chân*, và đối với các người Gờ-réc *đó là sự đại-dột*,

¹Ê-sai 29.14

²Gióp 12.17; Ê-sai 19.11;33.18; Ma-thi-ơ 13.22; Rô-ma 1.20; Giăng 12.31; Gia-cơ 4.4

³Trong những câu sau đây 1 Cô-rinh-tô 1.21; 8.2; 13.9, 12 nguyên ngữ Gờ-réc dùng động từ *ginōskō* (γινώσκω) nói đến “học tập để biết, hiểu biết sâu đậm;” ban dịch thuật TKTC dịch là “nhận biết.”

1 Cô-rinh-tô 1.24-2.5

²⁴song đối với những kẻ được gọi, cả những người Giu-đa lẫn những người Gờ-réc, Cô-rít-tô là quyền-năng của Đức Chúa TRỜI và sự khôn-ngoan của Đức Chúa TRỜI. ²⁵Bởi vì sự đại-dột của Đức Chúa TRỜI thì khôn hơn loài người, và sự yếu-đuối của Đức Chúa TRỜI thì mạnh hơn loài người.

²⁶Vì hãy xem sự kêu-gọi của anh em, hỡi anh em, rằng đã chẳng có nhiều kẻ khôn-ngoan theo xác-thịt, chẳng có nhiều kẻ phi-thường, chẳng có nhiều kẻ quý phái; ²⁷nhưng Đức Chúa TRỜI đã chọn các sự việc đại-dột của thế-gian để làm thẹn kẻ khôn, và Đức Chúa TRỜI đã chọn các sự việc yếu-đuối của thế-gian để làm thẹn các sự việc mạnh, ²⁸và các sự việc hèn-hạ của thế-gian và các sự việc bị khinh-bi, Đức Chúa TRỜI đã chọn, các sự việc không là, để Ngài đã có thể làm vô hiệu-hóa các sự việc là, ²⁹để không có một xác-thịt nào được khoe-khoang trước mặt Đức Chúa TRỜI. ³⁰Nhưng anh em ở trong Cô-rít-tô Giê-xu là thuộc về việc làm của Ngài, là Đấng đã trở thành đối với chúng ta sự khôn-ngoan từ Đức Chúa TRỜI, và sự công-chính và sự nên-thánh, và sự cứu-chuộc, ³¹để, y như được viết: “Để kẻ khoe-khoang, khoe-khoang trong ĐỨC CHÚA.”⁽¹⁾

Linh ban cho sự khôn-ngoan (2.1-2.16)

2 ¹Và khi tôi đã đến cùng anh em, hỡi anh em, tôi đã chẳng đến với sự ưu-việt của lời nói hay của sự khôn-ngoan, công-bố cùng anh em chứng-cớ của Đức Chúa TRỜI. ²Vì tôi đã quyết-định chẳng biết bất cứ điều gì giữa anh em ngoại trừ Giê-xu Cô-rít-tô, và Ngài bị đóng đinh trên thập-tự-giá. ³Và tôi đã ở với anh em trong sự yếu-đuối và trong sự sợ hãi và trong việc run-rẩy nhiều, ⁴và lời của tôi và việc thuyết-giảng của tôi đã chẳng bằng các lời có sức thuyết-phục của sự khôn-ngoan, nhưng bằng sự biểu hiện của Linh và của quyền-năng, ⁵để đức-tin của anh em chẳng dựa trên sự khôn-ngoan của loài người, nhưng trên quyền-năng của Đức Chúa TRỜI.

1 Corinthians 1.24-2.5

²⁴but to those who are the called, both Jews and Greeks, Christ the power of God and the wisdom of God. ²⁵Because the foolishness of God is wiser than men, and the weakness of God is stronger than men.

²⁶For see your calling, brethren, that there were not many wise according to the flesh, not many mighty, not many noble; ²⁷but God has chosen the foolish things of the world to shame the wise, and God has chosen the weak things of the world to shame the things which are strong, ²⁸and the base things of the world and the despised, God has chosen, the things that are not, that He might nullify the things that are, ²⁹that no flesh should boast before God. ³⁰But of His doing you are in Christ Jesus, who became to us wisdom from God, and righteousness and sanctification, and redemption, ³¹that, just as it is written, “LET HIM WHO BOASTS, BOAST IN THE LORD.”

The Spirit gives wisdom (2.1-2.16)

2 ¹And when I came to you, brethren, I did not come with superiority of speech or of wisdom, proclaiming to you the testimony of God. ²For I determined to know nothing among you except Jesus Christ, and Him crucified. ³And I was with you in weakness and in fear and in much trembling, ⁴and my word and my preaching were not in persuasive words of wisdom, but in demonstration of the Spirit and of power, ⁵that your faith should not rest on the wisdom of men, but on the power of God.

¹Giê-rê-mi 9.23-24

1 Corinthians 2.6-2.16

⁶Yet we do speak wisdom among those who are mature; a wisdom, however, not of this age, nor of the rulers of this age, who are passing away; ⁷but we speak God's wisdom in a mystery, the hidden *wisdom* which God predestined before the ages to our glory; ⁸*the wisdom* which none of the rulers of this age has understood; for if they had understood it, they would not have crucified the Lord of glory; ⁹but just as it is written,

“THINGS WHICH EYE HAS NOT SEEN AND EAR HAS NOT HEARD,
AND *which* HAVE NOT ENTERED THE HEART OF MAN,
ALL THAT GOD HAS PREPARED FOR THOSE WHO LOVE HIM.”

¹⁰For to us God revealed *them* through the Spirit; for the Spirit searches all things, even the depths of God. ¹¹For who among men knows the *thoughts* of a man except the spirit of the man, which is in him? Even so the *thoughts* of God no one knows except the Spirit of God. ¹²Now we have received, not the spirit of the world, but the Spirit who is from God, that we might know the things freely given to us by God, ¹³which things we also speak, not in words taught by human wisdom, but in those taught by the Spirit, combining spiritual *thoughts* with spiritual *words*. ¹⁴But a natural man does not accept the things of the Spirit of God, for they are foolishness to him; and he cannot understand them, because they are spiritually appraised. ¹⁵But he who is spiritual appraises all things, yet he himself is appraised by no man. ¹⁶For WHO HAS KNOWN THE MIND OF THE LORD, THAT HE SHOULD INSTRUCT HIM? But we have the mind of Christ.

1 Cô-rinh-tô 2.6-2.16

⁶Song chúng tôi nói sự khôn-ngoan giữa những kẻ trưởng-thành; tuy vậy, một sự khôn-ngoan không thuộc về thời-đại này, cũng không thuộc về những kẻ cai-trị của thời-đại này, những kẻ đang chết; ⁷nhưng chúng tôi nói sự khôn-ngoan của Đức Chúa TRỜI trong sự mầu-nhiệm, *sự khôn-ngoan* được giữ-kín mà Đức Chúa TRỜI đã tiên-định trước các thời đại cho sự vinh-quang của chúng ta; ⁸*sự khôn-ngoan* chẳng có ai trong những kẻ cai-trị của thời-đại này đã hiểu-biết; vì nếu họ đã hiểu-biết nó, họ đã chẳng muốn đóng đinh Chúa vinh-quang trên thập-tự-giá; ⁹nhưng, y như được viết:

“NHỮNG SỰ VIỆC MÀ MẮT ĐÃ CHẴNG THẤY VÀ TAI ĐÃ CHẴNG NGHE,
VÀ *chúng* ĐÃ CHẴNG VÀO TÂM CỦA LOÀI NGƯỜI,
TẤT CẢ MÀ ĐỨC CHÚA TRỜI ĐÃ CHUẨN-BỊ CHO NHỮNG KẺ YÊU-THƯƠNG NGÀI.”⁽¹⁾

¹⁰Vì cho chúng ta Đức Chúa TRỜI đã tiết-lộ *chúng* qua Linh; vì Linh dò-xét mọi sự việc, ngay cả những sự sâu-xa của Đức Chúa TRỜI. ¹¹Vì ai giữa loài người biết được *tu-tưởng* của một người ngoại trừ linh của người đó, ở trong hần? Cũng như thế *tu-tưởng* của Đức Chúa TRỜI chẳng một ai biết được ngoại trừ Linh của Đức Chúa TRỜI. ¹²Bây giờ, chúng ta đã nhận, chẳng phải linh của thế-gian, nhưng Linh là Đấng từ Đức Chúa TRỜI, để chúng ta được biết các sự việc được Đức Chúa TRỜI ban không cho chúng ta, ¹³các sự việc đó chúng ta cũng nói, không bằng lời được dạy bởi sự khôn-ngoan của loài người, nhưng bằng lời được dạy bởi Linh, kết-hợp *các ý-tưởng* thuộc linh với *các lời* thuộc-linh. ¹⁴Nhưng một người thiên-nhiên⁽²⁾ không nhận các sự việc thuộc về Linh của Đức Chúa TRỜI; vì chúng là điều đại-dội đối với hần, và hần không thể hiểu được chúng, vì chúng phải được nhận-thức một cách thuộc-linh. ¹⁵Song người thuộc-linh đánh giá mọi sự việc, nhưng chính người không bị ai đánh giá cả. ¹⁶Vì “AI ĐÃ BIẾT TRÍ CỦA ĐỨC CHÚA, ĐỂ HẦN CÓ THỂ CHỈ DẠY NGÀI”⁽³⁾? Nhưng chúng ta có cái trí của Cơ-rít-tô.

¹Ê-sai 64.4;65.17

²hay: thuộc huyết-khí

³Ê-sai 40.13

1 Cô-rinh-tô 3.1-3.12

Phao-lô lên án sự chia-rẽ trong hội-thánh (3.1-3.4)

3 ¹Và tôi, hỡi anh em, đã không có thể nói với anh em như với các người thuộc-linh, nhưng như với các người thuộc về xác-thịt, như với các trẻ sơ sinh trong Cơ-rít-tô. ²Tôi đã cho anh em sữa để uống, không phải đồ ăn cứng; vì anh em đã chưa thể *nhận đồ ăn cứng*. Quả thật, ngay cả bây giờ anh em vẫn chưa có thể, ³vì anh em vẫn còn xác-thịt. Vì từ lâu có sự ghen-tị và xung đột giữa anh em, anh em há chẳng là xác-thịt sao, và anh em không đang bước đi theo loài người sao? ⁴Vì khi người này nói: “Tôi thuộc về Phao-lô,” và kẻ khác: “Tôi thuộc về A-bô-lô,” anh em không phải chỉ là người *thường* hay sao?

Vai-trò của mỗi sứ-đồ (3.5-3.8)

⁵Thế thì, A-bô-lô là gì? Và Phao-lô là gì? Là các tôi-tớ qua họ anh em đã tin, tùy theo Chúa đã ban *cơ-hội* cho mỗi người. ⁶Tôi đã trồng, A-bô-lô đã tưới nước, nhưng *Đức* Chúa TRỜI đã và đang làm cho lớn. ⁷Như thế, người trồng hay kẻ tưới không là gì cả, nhưng *Đức* Chúa TRỜI là Đấng làm cho lớn. ⁸Bây giờ người trồng và kẻ tưới là một; nhưng mỗi người sẽ nhận phần-thường riêng của mình theo công-việc khó nhọc của riêng mình.

Chỉ Cơ-rít-tô là nền-tảng của hội-thánh (3.9-3.15)

⁹Vì chúng tôi là những bạn đồng công của *Đức* Chúa TRỜI⁽¹⁾; anh em là cánh đồng của *Đức* Chúa TRỜI, toà nhà của *Đức* Chúa TRỜI.

¹⁰Theo ân-điển của *Đức* Chúa TRỜI đã được cho tôi, như một người xây-cất trưởng khôn-ngoaan tôi đã đặt nền, và kẻ khác đang xây trên nó. Nhưng mỗi người hãy cẩn thận về cách mình xây trên nó. ¹¹Vì không có người nào có thể đặt một nền nào khác hơn là cái nền được đặt *rồi*, nền đó là Giê-xu Cơ-rít-tô. ¹²Bây giờ, nếu bất cứ người nào xây-cất trên nền đó bằng vàng, bạc, đá quý, gỗ, cỏ khô, rơm rạ,

¹bản khác: Vì chúng tôi là các tôi-tớ của Đức Chúa Trời, làm việc với nhau, For we are God's servants, working together

1 Corinthians 3.1-3.12

Paul condemns the division in the church (3.1-3.4)

3 ¹And I, brethren, could not speak to you as to spiritual men, but as to men of flesh, as to babes in Christ. ²I gave you milk to drink, not solid food; for you were not yet able *to receive solid food*. Indeed, even now you are not yet able, ³for you are still fleshly. For since there is jealousy and strife among you, are you not fleshly, and are you not walking according to man? ⁴For when one says, “I am of Paul,” and another, “I am of Apollos,” are you not *mere* men?

Role of each apostle (3.5-3.8)

⁵What then is Apollos? And what is Paul? Servants through whom you believed, according as the Lord gave *opportunity* to each one. ⁶I planted, Apollos watered, but God was causing the growth. ⁷So then neither the one who plants nor the one who waters is anything, but God who causes the growth. ⁸Now he who plants and he who waters are one; but each will receive his own reward according to his own labor.

Only Christ is the foundation of the church (3.9-3.15)

⁹For we are God's fellow workers; you are God's field, God's building.

¹⁰According to the grace of God which was given to me, as a wise master builder I laid a foundation, and another is building upon it. But let each man be careful how he builds on it.

¹¹For no man can lay a foundation other than the one which is laid, which is Jesus Christ.

¹²Now if any man builds upon the foundation with gold, silver, precious stones, wood, hay, straw,

1 Corinthians 3.13-4.3

¹³the work of each man will become evident; for the day will show it, because it is *to be* revealed with fire, and the fire itself will test what sort of each man's work is. ¹⁴If any man's work which he has built upon it remains, he shall receive a reward. ¹⁵If any man's work is burned up, he shall suffer loss; but he himself shall be saved, yet so as through fire.

Believers are the temple of God (3.16-3.23)

16Do you not know that you are a temple of God and *that* the Spirit of God dwells in you? ¹⁷If any man destroys the temple of God, God will destroy him, for the temple of God is holy, and which you are.

18Let no man deceive himself. If any man among you thinks that he is wise in this age, let him become foolish that he may become wise. ¹⁹For the wisdom of this world is foolishness before God. For it is written, "*He is THE ONE WHO CATCHES THE WISE IN THEIR CRAFTINESS*"; ²⁰and again, "*THE LORD KNOWS THE REASONINGS of the wise, THAT THEY ARE USELESS.*" ²¹So then let no one boast in men. For all things belong to you, ²²whether Paul or Apollos or Cephas or the world or life or death or things present or things to come; all things belong to you, ²³and you belong to Christ; and Christ belongs to God.

Paul counsels his beloved believers; only the Lord is the judge (4.1-4.5)

4 ¹Let a man regard us in this manner, as servants of Christ and stewards of the mysteries of God. ²In this case, moreover, it is required of stewards that one be found trustworthy. ³But to me it is a very small thing that I should be examined by you, or by *any* human court; in fact, I do not even examine myself.

1 Cô-rinh-tô 3.13-4.3

¹³việc làm của mỗi người sẽ trở nên hiển-nhiên; vì ngày đó sẽ tỏ nó ra, bởi vì nó sẽ *bị* lộ ra với lửa, và chính lửa sẽ thử xem việc làm của mỗi người thuộc loại gì. ¹⁴Nếu việc làm của bất cứ ai mà hấn đã xây trên nó còn lại, hấn sẽ nhận phần-thưởng. ¹⁵Nếu việc làm của bất cứ ai bị cháy rụi, hấn sẽ chịu mất mát; song chính hấn sẽ được cứu, nhưng như qua lửa.

Tín-nhân là đền-thờ của Đức Chúa TRỜI (3.16-3.23)

16Anh em há chẳng biết rằng anh em là đền-thờ của Đức Chúa TRỜI và Linh của Đức Chúa TRỜI ở trong anh em sao? ¹⁷Nếu một người nào phá-hủy đền-thờ của Đức Chúa TRỜI, thì Đức Chúa TRỜI sẽ phá-hủy kẻ đó, vì đền-thờ của Đức Chúa TRỜI là thánh, và anh em là đền-thờ đó.

18Chớ có người nào tự lừa dối. Nếu bất cứ ai giữa anh em nghĩ rằng hấn khôn-ngoan trong thời-đại này, hấn hãy trở nên dại-dốt để hấn được trở thành khôn-ngoan. ¹⁹Vì sự khôn-ngoan của thế-gian này là sự dại-dốt trước mặt Đức Chúa TRỜI. Vì được viết: "*Ngài là Đấng BẮT CÁC KẺ KHÔN-NGOAN BẰNG QUI-KẾ CỦA CHÚNG*"⁽¹⁾; ²⁰và một lần nữa: "*ĐỨC CHÚA BIẾT CÁC LẬP-LUẬN của kẻ khôn-ngoan, RẰNG CHÚNG THÌ VÔ-DỤNG.*"⁽²⁾ ²¹Như thế thì chớ để một ai khoe-khoang trong loài người. Vì mọi sự việc đều thuộc về anh em, ²²hoặc Phao-lô hay A-bô-lô hoặc Sê-pha hay thế-gian hoặc sự sống hay sự chết hoặc những sự việc hiện-tại hay những sự việc sắp đến; tất cả các sự việc đều thuộc về anh em, ²³và anh em thuộc về Cơ-rít-tô, và Cơ-rít-tô thuộc về Đức Chúa TRỜI.

Phao-lô khuyên các tín-nhân thân-thương của ông; chỉ Chúa là thẩm-phán (4.1-4.5)

4 ¹Hãy để người ta xem chúng tôi theo cách này: là các đầy-tớ của Cơ-rít-tô và những kẻ quản-lý các sự mầu-nhiệm của Đức Chúa TRỜI. ²Ngoài ra, trong trường-hợp này, các người quản-lý còn phải được xem đáng tin-cậy. ³Nhưng đối với tôi, ấy là một chuyện rất nhỏ để anh em, hay một tòa-án loài người tra xét tôi; thật ra, thậm-chí tôi chẳng tra xét chính tôi.

¹Gióp 5.13

²Thánh-thi 94.11

1 Cô-rinh-tô 4.4-4.13

⁴Vì tôi biết rõ chẳng có một điều gì chống lại tôi, tuy nhiên tôi không được tha bổng bởi nó; song Đấng tra xét tôi là Chúa. ⁵Bởi vậy chớ tiếp-tục phán-xét bất cứ điều gì trước thời-điểm, *nhưng hãy chờ* cho đến khi Chúa đến, là Đấng sẽ đem ra ánh-sáng các sự việc được giấu-kín trong tối-tăm, lần để lộ ra cho thấy các động-lực của tâm *loài người*; và lúc đó sự khen-ngợi của mỗi người sẽ đến cùng hắn từ Đấng Chúa TRỜI.

Sự khoe-khoang của những người Cô-rinh-tô; sự khiêm-tôn của các sứ-đồ (4.6-4.13)

⁶Bây giờ hỡi anh em, tôi đã áp-dụng một cách bóng bẩy các sự việc này cho chính tôi và A-bô-lô vì anh em, để trong chúng tôi anh em có thể học không nên vượt quá điều được viết, để không có ai trong anh em sẽ trở nên dương dương tự đắc nhân danh người này chống lại người kia. ⁷Vì ai xem anh em là tay trên? Và điều gì anh em có mà anh em đã chẳng nhận? Nhưng nếu anh em đã nhận nó, tại sao anh em khoe-khoang như anh em đã chẳng nhận nó? ⁸Anh em đầy đủ rồi, anh em đã trở nên giàu rồi, anh em đã trở thành vua chẳng có chúng tôi; và quả thật *tôi muốn* rằng anh em đã trở thành vua để chúng tôi cũng đã có thể trị-vì với anh em. ⁹Vì, tôi nghĩ, Đấng Chúa TRỜI đã phô bày chúng tôi, các sứ-đồ sau hết thấy, như những người bị án chết; vì chúng tôi đã trở thành trò ngoạn-mục cho thế-gian, cho cả các thiên-sứ lẫn cho loài người. ¹⁰Chúng tôi là những kẻ đại-dột vì có Cơ-rít-tô, song anh em khôn-ngoan trong Cơ-rít-tô; chúng tôi yếu-đuối, song anh em mạnh-mẽ; anh em vang danh, nhưng chúng tôi không có danh-dự. ¹¹Cho đến giờ *phút* hiện tại này, chúng tôi cả đôi lần khát, và ăn-mặc nghèo-nản, và bị đối-xử một cách thô-bạo, và vô gia-cư; ¹²và chúng tôi lao nhọc, làm việc với chính các bàn tay của chúng tôi; khi chúng tôi bị mắng nhiếc, chúng tôi chúc phước; khi chúng tôi bị bắt bớ, chúng tôi chịu-đựng; ¹³khi chúng tôi bị vu-cáo, chúng tôi cố-gắng hòa-giải; chúng tôi đã trở thành như bọt của thế-gian, cặn-bã của mọi sự việc, *thậm chí* cho đến bây giờ.

Phao-lô dự-định đến thăm Cô-rinh-tô (4.14-4.21)

1 Corinthians 4.4-4.13

⁴For I am conscious of nothing against myself, yet I am not by this acquitted; but the one who examines me is the Lord. ⁵Therefore do not go on judging anything before the time, *but wait* until the Lord comes who will both bring to light the things hidden in darkness and disclose the motives of *men's* hearts; and then each man's praise will come to him from God.

The Corinthians' boast; the apostles' humility (4.6-4.13)

⁶Now these things, brethren, I have figuratively applied to myself and Apollos for your sakes, that in us you might learn not to exceed what is written, in order that no one of you will become puffed up in behalf of one against the other. ⁷For who regards you as superior? And what do you have that you did not receive? But if you did receive it, why do you boast as if you had not received it? ⁸You are already filled, you have already become rich, you have become kings without us; and *I* would indeed that you had become kings so that we also might reign with you. ⁹For, I think, God has exhibited us apostles last of all, as men condemned to death; because we have become a spectacle to the world, both to angels and to men. ¹⁰We are fools for the sake of Christ, but you are prudent in Christ; we are weak, but you are strong; you are distinguished, but we are without honor. ¹¹To this present hour we are both hungry and thirsty, and are poorly clothed, and are roughly treated, and are homeless; ¹²and we toil, working with our own hands; when we are reviled, we bless; when we are persecuted, we endure; ¹³when we are slandered, we try to conciliate; we have become as the scum of the world, the dregs of all things, *even* until now.

Paul plans to visit Corinth (4.14-4.21)

1 Corinthians 4.14-5.7

14I am not writing these things to shame you, but to admonish you as my beloved children. **15**For if you were to have countless tutors in Christ, yet *you would not have* many fathers, for in Christ Jesus I became your father through the gospel. **16**Therefore I exhort you, be imitators of me. **17**For this reason I have sent to you Timothy, who is my beloved and faithful child in the Lord, and he will remind you of my ways which are in Christ, just as I teach everywhere in every church. **18**Now some have become puffed up, as though I were not coming to you. **19**But I will come to you soon, if the Lord wills, and I shall find out, not the word of those who are arrogant, but their power. **20**For the kingdom of God does not consist in word, but in power. **21**What do you desire? Shall I come to you with a rod or with love and a spirit of gentleness?

2. Disorders in the church (5.1-6.20)

Paul condemns immorality in the church (5.1-5.13)

5 **1**It is actually reported that there is immorality among you, and immorality of such a kind as does not exist even among the Gentiles, that someone has his father's wife. **2**And you have become puffed up, and have not mourned instead, in order that the one who had done this deed might be removed from your midst. **3**For I, on my part, though absent in body but present in spirit, have already judged him who has so committed this, as though I were present. **4**In the name of our Lord Jesus, when you are assembled, and I with you in spirit, with the power of our Lord Jesus, **5***I have decided* to deliver such a one to Satan for the destruction of his flesh, that his spirit may be saved in the day of the Lord Jesus. **6**Your boasting is not good. Do you not know that a little leaven leavens the whole lump *of dough*? **7**Clean out the old leaven that you may be a new lump, just as you are *in fact* unleavened. For Christ our Passover also has been sacrificed.

1 Cô-rinh-tô 4.14-5.7

14Tôi chẳng viết các điều này để làm anh em xấu-hổ, song để khiển-trách anh em như con cái yêu-dấu của tôi. **15**Vì nếu anh em có vô số thầy dạy kèm trong Cơ-rít-tô, song *anh em không có* nhiều cha; vì trong Cơ-rít-tô Giê-xu tôi đã trở thành cha của anh em qua tin-lành. **16**Bởi vậy tôi cổ-xúy anh em, hãy bắt-chước tôi. **17**Vì lý-do này tôi đã sai đến cùng anh em Ti-mô-thê, là đứa con trong Chúa, trung-tín và yêu-dấu, của tôi, và hắn sẽ nhắc-nhở anh em về các đường-lối của tôi ở trong Cơ-rít-tô, y như tôi giảng-dạy mọi nơi trong mỗi hội-thánh. **18**Bây giờ có người đã trở nên dương dương tự đắc, như thể là tôi sẽ không đến cùng anh em. **19**Nhưng tôi sẽ sớm đến cùng anh em, nếu Chúa muốn, và tôi sẽ tìm ra, chẳng phải lời của những kẻ kiêu-căng đó, song quyền-năng của họ. **20**Vì vương-quốc của Đức Chúa TRỜI chẳng cốt ở lời, song ở quyền-năng. **21**Anh em muốn gì? Tôi sẽ đến cùng anh em với cây roi hay với tình thương và linh mềm mại?

2. Sự xáo-trộn trong hội-thánh (5.1-6.20)

Phao-lô kết-án sự vô-luân trong hội-thánh (5.1-5.13)

5 **1**Thật có phúc-trình rằng có sự vô luân giữa anh em, và sự vô-luân thuộc loại như thế không hiện-hữu ngay cả giữa các dân Ngoại-bang, rằng có người lấy vợ của cha mình. **2**Và anh em đã trở nên dương dương tự đắc, và thay vì than khóc, để kẻ đã làm việc này có thể bị loại ra khỏi giữa anh em. **3**Vì tôi, về phần tôi, đã vắng mặt bằng thân-thể song hiện-diện bằng linh, đã phán-xét hắn rồi, là kẻ đã làm điều này đến thể ấy, như thể là tôi đã có mặt. **4**Nhân danh Chúa Giê-xu của chúng ta, khi anh em nhóm lại, và tôi với anh em bằng linh, với quyền-năng của Chúa Giê-xu của chúng ta, **5**giao kẻ như thể ấy cho Sa-tan cho sự hủy-diệt xác-thịt của hắn, để linh của hắn có thể được cứu trong ngày của Chúa Giê-xu. **6**Việc khoe-khoang của anh em là chẳng tốt. Anh em há chẳng biết rằng một chút men làm nổi dậy toàn-thể *bột nhồi* sao? **7**Hãy lấy ra cho sạch men cũ, để anh em được là bột nhồi mới, y như anh em không có men. Vì Cơ-rít-tô, Cửa-lễ Vượt-qua của chúng ta cũng đã bị hiến-tế.

1 Cô-rinh-tô 5.8-6.8

⁸Bởi vậy chúng ta hãy giữ lễ ấy, không với men cũ, không với men của ác tâm và độc-ác, nhưng với bánh không men của sự thật-thà và lễ-thật.

⁹Tôi đã viết cho anh em trong thư của tôi chớ liên-kết với kẻ vô-luân; ¹⁰tôi đã chẳng có ý nói các người vô-luân của thế-gian này chút nào, hay các kẻ tham-lam và những kẻ lừa đảo, hay những kẻ thờ hình-tượng; vì trong trường hợp đó anh em phải ra khỏi thế-gian. ¹¹Nhưng thật ra, tôi đã viết cho anh em chớ liên-kết với bất cứ ai gọi là anh em nếu hắn là một kẻ vô-luân, hay tham-lam, hoặc kẻ thờ hình-tượng, hay kẻ chửi-rủa, hay kẻ say-sưa, hay là kẻ lừa đảo—thậm-chí không ăn với một kẻ như vậy. ¹²Vì việc gì tôi phải phán-xét những kẻ ở ngoài? Anh em không phán-xét những kẻ ở trong *hội-thánh* à? ¹³Song những kẻ ở ngoài, Đức Chúa TRỜI phán-xét. HÃY LOẠI-BỎ NGƯỜI ĐỘC-ÁC ĐÓ RA KHỎI GIỮA CÁC NGƯỜI⁽¹⁾.

Tín-nhân không nên kiện lẫn nhau (6.1-6.8)

6 ¹Có ai trong anh em, khi hắn có một ca kiện kẻ lân-cận của hắn, lại dám đi tới luật-pháp trước mặt những kẻ không công-chính, và không trước mặt các thánh-đồ? ²Hay anh em không biết rằng các thánh-đồ sẽ phán-xét thế-gian sao? Và nếu thế-gian bị phán-xét bởi anh em, anh em há chẳng có đủ khả năng để *thiết-lập* các tòa-án nhỏ nhất ư? ³Anh em há không biết rằng chúng ta sẽ phán-xét các thiên-sứ sao? Nhiều hơn biết bao, các vấn-đề của đời này? ⁴Thế thì nếu anh em có các tòa-án giải quyết các vấn-đề của đời này, anh em có bổ-nhiệm họ làm thẩm-phán, là những kẻ tầm thường trong hội-thánh chẳng? ⁵Tôi nói *điều này* cho sự hổ-thẹn của anh em. *Phải chẳng* không có ai khôn ngoan ở giữa anh em, là kẻ sẽ có khả-năng phân-xử giữa anh em của hắn, ⁶nhưng anh này đi tới luật-pháp với anh kia, và lại trước mặt những kẻ không tin? ⁷Thật ra, là một sự thất-bại cho anh em rồi, rằng anh em kiện lẫn nhau. Tại sao chẳng thà bị sai trái? Tại sao chẳng thà bị lừa-gạt? ⁸Trái lại, chính anh em sai trái và lừa-gạt, và lại đối với anh em *của mình!*

1 Corinthians 5.8-6.8

⁸Therefore let us celebrate the feast, not with old leaven, nor with the leaven of malice and wickedness, but with the unleavened bread of sincerity and truth.

⁹I wrote you in my letter not to associate with immoral people; ¹⁰I *did* not at all *mean* with the immoral people of this world, or with the covetous and swindlers, or with idolaters; for then you would have to go out of the world. ¹¹But actually, I wrote to you not to associate with any so-called brother if he is an immoral person, or covetous, or an idolater, or a reviler, or a drunkard, or a swindler—not even to eat with such a one. ¹²For what have I to do with judging outsiders? Do you not judge those who are within *the church*? ¹³But those who are outside, God judges. REMOVE THE WICKED MAN FROM AMONG YOURSELVES.

Believers should not sue each other (6.1-6.8)

6 ¹Does any one of you, when he has a case against his neighbor, dare to go to law before the unrighteous, and not before the saints? ²Or do you not know that the saints will judge the world? And if the world is judged by you, are you not competent *to constitute* the smallest law courts? ³Do you not know that we shall judge angels? How much more, matters of this life? ⁴If then you have law courts dealing with matters of this life, do you appoint them as judges who are of no account in the church? ⁵I say *this* to your shame. *Is it so, that* there is not among you one wise man who will be able to decide between his brethren, ⁶but brother goes to law with brother, and that before unbelievers? ⁷Actually, then, it is already a defeat for you, that you have lawsuits with one another. Why not rather be wronged? Why not rather be defrauded? ⁸On the contrary, you yourselves wrong and defraud, and that *your* brethren.

¹Bài giảng của Mô-se 13.5; 17.7,12; 21.21

1 Corinthians 6.9-6.18

Use your body to give God glory (6.9-6.11)

9Or do you not know that the unrighteous will not inherit the kingdom of God? Do not be deceived; neither fornicators, nor idolaters, nor adulterers, nor effeminate, nor homosexuals, **10**nor thieves, nor *the* covetous, nor drunkards, nor revilers, nor swindlers, shall inherit the kingdom of God. **11**And such were some of you; but you were washed, but you were sanctified, but you were justified in the name of the Lord Jesus Christ and in the Spirit of our God.

The body is the Lord's (6.12-6.20)

12All things are lawful for me, but not all things are profitable. All things are lawful for me, but I will not be mastered by anything. **13**Food is for the belly and the belly is for food, but God will do away with both of them. Yet the body is not for immorality, but for the Lord; and the Lord is for the body. **14**Now God has not only raised the Lord, but will also raise us up through His power. **15**Do you not know that your bodies are members of Christ? Shall I then take away the members of Christ and make them members of a harlot? May it never be! **16**Or do you not know that the one who joins himself to a harlot is one body *with her*? For He says, "THE TWO WILL BECOME ONE FLESH." **17**But the one who joins himself to the Lord is one spirit *with Him*. **18**Flee immorality. Every *other* sin that a man commits is outside the body, but the immoral man sins against his own body.

1 Cô-rinh-tô 6.9-6.18

Dùng thân-thể mình để dâng Đức Chúa TRỜI vinh-hiến (6.9-6.11)

9Hoặc anh em há chẳng biết rằng những kẻ không công-chính sẽ chẳng thừa-kế vương-quốc của Đức Chúa TRỜI hay sao? Chớ bị lừa-dối; chẳng có những kẻ gian-dâm, cũng chẳng có những kẻ thờ hình-tượng, cũng chẳng có những kẻ ngoại-tình, cũng chẳng có những kẻ đàn ông không ra đàn ông, cũng chẳng có những kẻ đồng-tính luyến-ái, **10**cũng chẳng có những kẻ trộm-cắp, cũng chẳng có những kẻ tham-lam, cũng chẳng có những kẻ say-sưa, cũng chẳng có những kẻ chửi-rủa, cũng chẳng có những kẻ lừa đảo, sẽ thừa-kế vương-quốc của Đức Chúa TRỜI. **11**Và một số trong anh em là vậy; nhưng anh em đã được rửa sạch, nhưng anh em đã được thánh hóa, nhưng anh em đã được xưng công-chính trong danh Chúa Giê-xu Cơ-rít-tô và trong Linh của Đức Chúa TRỜI của chúng ta.

Thân-thể là của Chúa (6.12-6.20)

12Mọi sự việc là hợp-pháp cho tôi, nhưng không phải tất cả các sự việc đều có ích. Tất cả các sự việc đều hợp-pháp cho tôi, nhưng tôi sẽ không bị áp-chế bởi bất cứ một sự việc gì cả. **13**Đồ ăn thì cho cái bụng, và cái bụng cho đồ ăn; nhưng Đức Chúa TRỜI sẽ xóa bỏ cả hai⁽¹⁾. Tuy nhiên, thân-thể không cho sự vô-luân, nhưng cho Chúa; và Chúa cho thân-thể. **14**Bây giờ Đức Chúa TRỜI đã chẳng chỉ vực Chúa dậy, nhưng cũng sẽ vực chúng ta dậy qua quyền-năng của Ngài. **15**Anh em chẳng biết rằng thân-thể của anh em là các chi-thể của Cơ-rít-tô? Thế thì tôi sẽ lấy các chi-thể của Cơ-rít-tô đi và làm chúng thành các chi-thể của một gái điếm? Xin chẳng bao giờ! **16**Hay anh em chẳng biết rằng kẻ kết-hiệp mình với gái điếm làm một thân-thể *với nó*? Vì Ngài phán: "HAI NGƯỜI SẼ TRỞ NÊN MỘT THỊT."⁽²⁾ **17**Nhưng kẻ kết-hiệp mình với Chúa là một linh *với Ngài*. **18**Hãy chạy trốn sự vô-luân. Mọi tội *khác* một người phạm đều ở ngoài thân-thể; nhưng kẻ vô-luân phạm-tội chống lại chính thân-thể của hân.

¹nguyên ngữ: cả nó lẫn chúng (both it and them)

²Sáng-thể 2.24; Ma-thi-ơ 19.5; Mác 10.8; Ê-phê-sô 5.31

1 Cô-rinh-tô 6.19-7.10

¹⁹Hay anh em chẳng biết rằng thân-thể của anh em là đền-thờ của Đức Thánh-Linh, là Đấng ở trong anh em, là Đấng mà anh em có từ Đức Chúa TRỜI, và rằng anh em không là của riêng của anh em hay sao? ²⁰Vì anh em đã được mua với một cái giá: bởi vậy hãy tôn vinh Đức Chúa TRỜI trong thân-thể của anh em.

B. PHAO-LÔ TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI CỦA HỘI-THÁNH (7.1-15.58)

1. Chỉ-dẫn về hôn-phối Co-rít-nhân (7.1-7.40)

Các câu-hỏi về hôn-phối (7.1-7.9)

7 ¹Bây giờ về các điều anh em đã viết, ấy là tốt cho một người đàn-ông không đụng một người đàn-bà. ²Nhưng vì các sự vô-luân, mỗi người đàn-ông hãy có vợ riêng của mình, và mỗi người đàn-bà hãy có chồng riêng của mình. ³Người chồng hãy làm bổn phận của hấn cho vợ của hấn, và tương-tự như vậy, người vợ cho chồng của bà. ⁴Người vợ không có quyền trên chính thân-thể của bà, nhưng người chồng; và tương-tự như vậy người chồng không có quyền trên chính thân-thể của hấn, nhưng người vợ. ⁵Hãy ngưng từ-chối lẫn nhau, ngoại trừ bởi sự đồng ý trong một thời-đoạn, để anh chị em có thể hiến mình cho sự cầu-nguyện, và hãy gắn lại với nhau e rằng Sa-tan cám-đổ anh chị em vì anh chị em thiếu sự tự kiểm-chế. ⁶Nhưng tôi nói điều này như là một sự thỏa hiệp, không như là lệnh. ⁷Tuy thế tôi ước-ao mọi người đàn ông thậm chí như chính tôi. Tuy nhiên, mỗi người có ân-tử riêng của mình từ Đức Chúa TRỜI, người này bằng cách này, và người khác bằng cách khác.

8 Nhưng tôi nói với các người độc thân và góa-bụa rằng tốt cho họ nếu họ cứ ở vậy thậm chí như tôi. ⁹Nhưng nếu họ không có sự tự kiểm-chế, họ hãy kết-hôn; vì kết-hôn thì tốt hơn là chịu nung đốt.

Hôn-nhân trọn đời (7.10-7.16)

10 Nhưng cùng các người đã kết-hôn, tôi cho lời chỉ dẫn, không phải tôi, nhưng Chúa, rằng vợ không nên lìa chồng mình⁽¹⁾

¹hay: không nên bỏ chồng mà đi

1 Corinthians 6.19-7.10

¹⁹Or do you not know that your body is a temple of the Holy Spirit who is in you, whom you have from God, and that you are not your own? ²⁰For you have been bought with a price: therefore glorify God in your body.

B. PAUL ANSWERS CHURCH QUESTIONS (7.1-15.58)

1. Instruction on Christian marriage (7.1-7.40)

Questions about marriage (7.1-7.9)

7 ¹Now concerning the things about which you wrote, it is good for a man not to touch a woman. ²But because of immoralities, let each man have his own wife, and let each woman have her own husband. ³Let the husband render his duty to his wife, and likewise also the wife to her husband. ⁴The wife does not have authority over her own body, but the husband *does*; and likewise also the husband does not have authority over his own body, but the wife *does*. ⁵Stop depriving one another, except by agreement for a time, that you may devote yourselves to prayer, and be together again lest Satan tempt you because of your lack of self-control. ⁶But this I say by way of concession, not of command. ⁷Yet I wish that all men were even as I myself am. However, each man has his own gift from God, one in this manner, and another in that.

8 But I say to the unmarried and to widows that it is good for them if they remain even as I. ⁹But if they do not have self-control, let them marry; for it is better to marry than to burn.

Marriage for life (7.10-7.16)

10 But to the married I give instructions, not I, but the Lord, that the wife should not depart her husband

1 Corinthians 7.11-7.24

11(but if she does depart, let her remain unmarried, or else be reconciled to her husband), and that the husband should not send his wife away. 12But to the rest I say, not the Lord, that if any brother has a wife who is an unbeliever, and she consents to live with him, let him not send her away. 13And a woman who has an unbelieving husband, and he consents to live with her, let her not send her husband away. 14For the unbelieving husband is sanctified through his wife, and the unbelieving wife is sanctified through her believing husband; for otherwise your children are unclean, but now they are holy. 15Yet if the unbelieving one leaves, let him leave; the brother or the sister is not under bondage in such cases, but God has called us to peace. 16For how do you know, O wife, whether you will save your husband? Or how do you know, O husband, whether you will save your wife?

Believers should be content where they are (7.17-7.24)

17Only, as the Lord has assigned to each one, as God has called each, in this manner let him walk. And thus I direct in all the churches. 18Was any man called *when he was already* circumcised? Let him not to become uncircumcised. Has anyone been called in uncircumcision? Let him not to be circumcised. 19Circumcision is nothing, and uncircumcision is nothing, but *what matters is* the keeping of the commandments of God. 20Let each man remain in that condition in which he was called. 21Were you called while a slave? Do not worry about it; but if you are able also to become free, rather use that. 22For he who was called in the Lord while a slave, is the Lord's freedman; likewise he who was called while free, is Christ's slave. 23You were bought with a price; do not become slaves of men. 24Brethren, let each man remain with God in that *condition* in which he was called.

Questions about singleness (7.25-7.40)

1 Cô-rinh-tô 7.11-7.24

11(nhưng nếu bà ra đi, bà hãy ở độc thân, nếu không, hãy hòa-thuận lại với chồng của bà), và rằng người chồng không nên đuổi vợ của mình đi. 12Nhưng cùng các người khác, tôi nói, chẳng phải Chúa, rằng nếu một anh em nào có vợ là người không tin, và bà bằng lòng sống với mình, hấn chớ đuổi bà đi. 13Và người đàn-bà có chồng không tin, và hấn bằng lòng sống với bà, bà chớ đuổi chồng của bà đi. 14Vì người chồng không tin được thánh hóa qua vợ của hấn, và người vợ không tin được thánh hóa qua người chồng tin của bà; vì nếu không, con cái của anh chị em thì ô-úế, nhưng bây giờ chúng là thánh. 15Nhưng nếu người không tin bỏ đi, hãy để nó đi; người anh em hay chị em đó không bị ràng-buộc *trong các trường-hợp* như vậy, nhưng Đức Chúa TRỜI đã gọi chúng ta đến sự bình-an. 16Vì thế nào người biết, hỏi người vợ, người sẽ cứu chồng của người hay không? Hoặc thế nào người biết, hỏi người chồng, người sẽ cứu vợ của người hay không?

Tín-nhân nên thỏa lòng chỗ họ được đặt-đế (7.17-7.24)

17Nhưng, như Chúa đã chi-định mỗi một người, như Đức Chúa TRỜI đã gọi mỗi người, hãy để kẻ đó bước đi bằng cách này. Và tôi chỉ bảo trong tất cả các hội-thánh như vậy. 18Có người nào được gọi *khi hấn đã* được cắt-bì rồi chẳng? Hấn không được trở nên không cắt-bì. Có người nào đã được gọi trong sự không cắt-bì chẳng? Hấn không được chịu cắt-bì. 19Sự cắt-bì không là gì cả, và sự không cắt-bì không là gì cả, nhưng *điều hệ-trọng* là việc giữ các điều-răn của Đức Chúa TRỜI. 20Mỗi người hãy ở lại trong trạng thái mà *hấn* đã được gọi. 21Có phải anh em đã được gọi khi làm nô-lệ chẳng? Đừng quan-tâm về nó; nhưng nếu anh em cũng có thể trở thành tự-do, khá dùng *tự-do* đó. 22Vì kẻ được gọi trong Chúa trong khi nô-lệ, thì là người tự-do của Chúa; cũng thế kẻ được gọi trong khi tự-do, thì là nô-lệ của Cơ-rít-tô. 23Anh em đã được mua với một cái giá; đừng trở thành nô-lệ của loài người. 24Hỡi anh em, mỗi người hãy ở lại với Đức Chúa TRỜI trong *tình-trạng* mà mình đã được gọi.

Những câu hỏi về sự sống độc-thân (7.25-7.40)

1 Cô-rinh-tô 7.25-7.36

25Bây giờ về các kẻ đồng-trinh tôi không có lệnh của Chúa, nhưng tôi cho ý-kiến như kẻ đã có sự khoan-dung được Chúa tỏ ra trên hắn là đáng tin-cậy. **26**Vậy, tôi nghĩ rằng điều này thì tốt vì sự khôn cùng hiện nay, rằng tốt cho một người vẫn ở như nguyên trạng. **27**Anh em bị ràng-buộc với một người vợ ư? Đừng tìm cách để được giải-thoát. Anh em được giải-thoát khỏi một người vợ ư? Đừng kiếm vợ. **28**Nhưng nếu anh em phải kết-hôn, anh em chẳng phạm-tội; và nếu một trinh-nữ phải lấy chồng, cô ấy chẳng phạm tội. Tuy nhiên, những kẻ như thế sẽ có mối khổ trong xác-thịt, và tôi đang cố tránh cho anh em *việc ấy*. **29**Nhưng điều này tôi nói, hỡi anh em, thời-gian đã bị rút ngắn, để từ bây giờ trở đi, những kẻ có vợ nên *sống* như thể là mình đã chẳng có; **30**và những kẻ khóc, như thể là mình đã chẳng khóc; và những kẻ vui-mừng, như thể là mình đã chẳng vui-mừng; và những kẻ mua, như thể là mình đã chẳng sở hữu; **31**và những kẻ dùng thế-gian, như thể là mình đã chẳng tận-dụng nó; vì hình-trạng của thế-gian này đang qua đi. **32**Nhưng tôi muốn anh em khỏi phải lo-âu. Một người không kết-hôn lo về các sự việc của Chúa, làm sao hắn có thể làm vui lòng Chúa; **33**nhưng người kết-hôn lo về các sự việc của thế-gian, làm sao hắn có thể làm vui lòng vợ của hắn, **34**và *sở thích của hắn* bị chia ra. Và người đàn-bà độc thân, và trinh-nữ, quan-tâm về các sự việc của Chúa, để cô có thể là thánh cả bằng thân-thể lẫn linh; nhưng người kết-hôn quan-tâm về các sự việc của thế-gian, làm sao bà có thể làm vui lòng chồng của bà. **35**Và tôi nói điều này vì ích-lợi riêng của anh em; chẳng để hạn-chế anh em, song vì điều thích đáng, và *để cùng có* sự hiến thân không xao lãng cho Chúa.

36Nhưng nếu một người nào nghĩ rằng hắn đang hành-động một cách không thích-hợp cho *đứa con gái* đồng-trinh của hắn⁽¹⁾, nếu cô ấy trong tuổi cặp kê, và nếu đó là điều phải *làm*, hắn hãy làm điều hắn muốn, hắn không phạm tội; hãy để cô ấy kết-hôn.

1 Corinthians 7.25-7.36

25Now concerning virgins I have no command of the Lord, but I give an opinion as one who has had mercy shown on him by the Lord to be trustworthy. **26**I think then that this is good in view of the present distress that it is good for a man to remain as he is. **27**Are you bound to a wife? Do not seek to be released. Are you released from a wife? Do not seek a wife. **28**But if you should marry, you have not sinned; and if a virgin should marry, she has not sinned. Yet such will have tribulation in the flesh, and I am trying to spare you. **29**But this I say, brethren, the time has been shortened, so that from now on those who have wives should be as though they had none; **30**and those who weep, as though they did not weep; and those who rejoice, as though they did not rejoice; and those who buy, as though they did not possess; **31**and those who use the world, as though they did not make full use of it; for the form of this world is passing away. **32**But I want you to be free from concern. One who is unmarried is concerned about the things of the Lord, how he may please the Lord; **33**but one who is married is concerned about the things of the world, how he may please his wife, **34**and *his interests* are divided. And the woman who is unmarried, and the virgin, is concerned about the things of the Lord, that she may be holy both in body and spirit; but one who is married is concerned about the things of the world, how she may please her husband. **35**And this I say for your own benefit; not to put a restraint upon you, but for what is seemly, and *to secure* undistracted devotion to the Lord.

36But if any man thinks that he is acting unbecomingly toward his virgin *daughter*, if she should be of full age, and if it must be so, let him do what he wishes, he does not sin; let her marry.

¹bản khác: vị hôn-thê của mình

1 Corinthians 7.37-8.7

³⁷But he who stands firm in his heart, being under no constraint, but has authority over his own will, and has decided this in his own heart, to keep his own virgin *daughter*, he will do well. ³⁸So then both he who gives his own virgin *daughter* in marriage does well, and he who does not give her in marriage will do better.

³⁹A wife is bound as long as her husband lives; but if her husband has fallen asleep, she is free to be married to whom she wishes, only in the Lord. ⁴⁰But in my opinion she is happier if she remains as she is; and I think that I also have the Spirit of God.

2. Instruction on Christian freedom (8.1-11.1)

Questions about food offered to idols (8.1-8.13)

8 ¹Now concerning things sacrificed to idols, we know that we all have knowledge. Knowledge puffs up, but love edifies. ²If anyone supposes that he knows anything, he has not yet known as he ought to know; ³but if anyone loves God, he is known by Him. ⁴Therefore concerning the eating of things sacrificed to idols, we know that there is no such thing as an idol in the world, and that there is no God but one. ⁵For even if one believes that there are so-called gods whether in heaven or on earth, as indeed there are many gods and many lords, ⁶yet for us there is *but* one God, the Father, from whom are all things, and we *exist* for Him; and one Lord, Jesus Christ, by whom are all things, and we *exist* through Him.

⁷However not all men have this knowledge; but some, being accustomed to the idol until now, eat *food* as if it were sacrificed to an idol; and their conscience being weak is defiled.

1 Cô-rinh-tô 7.37-8.7

³⁷Nhưng còn kẻ đứng vững trong tâm hấn, không bị cưỡng ép, nhưng có quyền trên chính ý-muốn của hấn, và đã quyết-định trong chính tâm của hấn, để giữ lại chính *con gái* đồng-trình của hấn, hấn sẽ làm tốt. ³⁸Như thế thì kẻ gả chính *con gái* đồng-trình của hấn làm tốt, và kẻ không gả *con gái của hấn* sẽ làm tốt hơn.

³⁹Người vợ bị ràng-buộc chừng nào chồng của bà còn sống; nhưng nếu chồng của bà đã ngủ, bà được tự-do lấy người bà muốn, chỉ trong Chúa. ⁴⁰Nhưng theo ý-kiến của tôi, bà ấy hạnh-phúc hơn nếu bà ấy vẫn như nguyên trạng; và tôi nghĩ rằng tôi cũng có Linh của Đức Chúa TRỜI.

2. Chỉ-dạy về tự-do của Co-rít-nhân (8.1-11.1)

Các câu hỏi về thức ăn đã dâng cho hình-tượng (8.1-8.13)

8 ¹Bây giờ về các đồ được cúng cho hình-tượng, chúng ta biết rằng tất cả chúng ta đều có kiến-thức. Kiến-thức làm ta dương dương tự đắc, nhưng tình thương gây-dựng. ²Nếu ai tưởng mình biết một điều gì, thì hấn chưa biết như hấn nên nhận biết; ³nhưng nếu ai yêu-thương Đức Chúa TRỜI, thì hấn được Ngài biết. ⁴Bởi vậy về việc ăn các đồ được cúng cho hình-tượng, chúng ta biết rằng không có một thứ gì là một hình-tượng trong vũ-trụ, và rằng không có một Đức Chúa TRỜI nào khác nhưng chỉ một⁽¹⁾ mà thôi.” ⁵Vì ngay cả nếu người ta tin rằng có thứ gọi là các thần hoặc trong trời hay trên đất, như thật sự có nhiều thần và nhiều chúa⁽²⁾, ⁶nhưng đối với chúng ta, chỉ có một Đức Chúa TRỜI, là Cha, từ Ngài ra tất cả các sự vật, và chúng ta hiện-hữu vì Ngài; và một Chúa, là Giê-xu Cơ-rít-tô, bởi Ngài ra tất cả các sự vật, và chúng ta hiện-hữu qua Ngài.

⁷Tuy nhiên, không phải mọi người đều có sự hiểu biết này; song có người, quen thuộc với hình-tượng cho đến bây giờ, ăn đồ ăn y như thể nó đã được cúng cho hình-tượng; và lương-tâm yếu-đuối của họ bị làm ô-uế.

¹Đó là Đức Chúa Trời. Người Việt gọi Đấng Tạo-hóa là Ông Trời; và Thánh-Kinh gọi Đấng Tạo-hóa là Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời là Thần. Chỉ có một Đấng Tạo-hóa độc-nhất, vị Thần độc-nhất trong vũ-trụ là Đức Chúa Trời.

²hay: bởi đó họ thờ nhiều thần nhiều chúa

1 Cô-rinh-tô 8.8-9.9

8Nhưng đồ ăn sẽ chẳng phò-thác chúng ta cho Đức Chúa TRỜI; chúng ta chẳng thiếu nếu chúng ta chẳng ăn, cũng chẳng dư dả nếu chúng ta ăn. 9Nhưng hãy coi chừng, e rằng bằng cách này hay cách khác quyền này của anh em trở thành hòn đá sẩy chân cho kẻ yếu. 10Vì nếu có ai thấy anh em là người có sự hiểu biết, ăn trong một đền-thờ hình-tượng, nếu hấn yếu, há lương-tâm của hấn sẽ không được làm cho vững để ăn các đồ vật được cúng cho hình-tượng sao? 11Vì qua sự hiểu-biết của anh em, kẻ yếu, là người anh em mà Cơ-rít-tô đã chết cho, bị làm hư hỏng. 12Và như vậy, bởi việc phạm tội chống lại anh em và làm tổn-thương lương-tâm của họ khi nó yếu, anh em phạm tội chống lại Cơ-rít-tô. 13Bởi vậy, nếu đồ ăn gây cho anh em của tôi sẩy chân, tôi sẽ không bao giờ ăn thịt một lần nữa, để tôi sẽ chẳng khiến anh em của tôi sẩy chân.

Quyền-lợi của các sứ-đồ (9.1-9.27)

9 1Tôi không tự-do sao? Tôi không phải là một sứ-đồ sao? Tôi đã chẳng thấy Giê-xu Chúa của chúng ta sao? Anh em chẳng là việc làm của tôi trong Chúa sao? 2Nếu đối với những kẻ khác tôi không là sứ-đồ, ít nhất tôi là sứ-đồ đối với anh em; vì anh em là dấu niêm của chức-vụ sứ-đồ của tôi trong Chúa.

3Lời biện hộ của tôi đối với những kẻ sát-hạch tôi là đây: 4Không phải chúng tôi chẳng có quyền ăn và uống, có không? 5Không phải chúng tôi chẳng có quyền dắt theo một người vợ tin Chúa, ngay cả như các sứ-đồ khác và những em trai của Chúa, và Sê-pha, hay sao? 6Hay là chỉ tôi và Ba-na-ba không có quyền để miễn làm việc? 7Có thời nào người ta đi lính do tiền riêng của mình? Hay ai chặn bầy và chẳng dùng sữa của bầy? 8Tôi chẳng đang nói các điều này theo loài người, phải chăng? Hay luật-pháp cũng chẳng nói các điều này sao? 9Vì được viết trong Luật-pháp của Môi-se: “NGƯỜI KHÔNG ĐƯỢC BỊT MŌM CON BÒ TRONG KHI NÓ ĐANG ĐẠP LÚA.”⁽¹⁾ Phải chăng Đức Chúa TRỜI chẳng quan-tâm về những con bò⁽²⁾?

¹Bài giảng của Mô-se 25.4; 1 Ti-mô-thê 5.18

²Bài giảng của Mô-se 22.1-4; Châm-ngôn 12.10

1 Corinthians 8.8-9.9

8But food will not commend us to God; we are neither lacking if we do not eat, nor abounding if we do eat. 9But take care lest this right of yours somehow become a stumbling block to the weak. 10For if someone sees you, who have knowledge, dining in an idol's temple, will not his conscience, if he is weak, be strengthened to eat things sacrificed to idols? 11For through your knowledge he who is weak is ruined, the brother for whose sake Christ died. 12And thus, by sinning against the brethren and wounding their conscience when it is weak, you sin against Christ. 13Therefore, if food causes my brother to stumble, I will never eat meat again, that I will not cause my brother to stumble.

The rights of apostles (9.1-9.27)

9 1Am I not free? Am I not an apostle? Have I not seen Jesus our Lord? Are you not my work in the Lord? 2If to others I am not an apostle, at least I am to you; for you are the seal of my apostleship in the Lord.

3My defense to those who examine me is this: 4It is not that we have no right to eat and drink, is it? 5It is not that we have no right to take along a believing wife, even as the rest of the apostles and the brothers of the Lord, and Cephas? 6Or do only I and Barnabas not have a right to refrain from working? 7Who at any time serves as a soldier at his own expense? Who plants a vineyard, and does not eat the fruit of it? Or who tends a flock and does not use the milk of the flock? 8I am not speaking these things according to man, am I? Or does not the Law also say these things? 9For it is written in the Law of Moses, “YOU SHALL NOT MUZZLE THE OX WHILE HE IS THRESHING.” God is not concerned about oxen, is He?

1 Corinthians 9.10-9.21

10Or is He speaking altogether for our sake? Yes, for our sake it was written, because the plowman ought to plow in hope, and the thresher *to thresh* in hope of sharing *the crops*. 11If we sowed spiritual things in you, is it too much if we reap material things from you? 12If others share the right over you, do we not more? Nevertheless, we did not use this right, but we endure all things, that we will cause no hindrance to the gospel of Christ. 13Do you not know that those who perform sacred services eat the *food* of the temple, *and* those who attend regularly to the altar have their share with the altar? 14So also the Lord directed those who proclaim the gospel to get their living from the gospel. 15But I have used none of these things. And I am not writing these things that it may be done so in my case; for it would be better for me to die than have any man make my boast an empty one. 16For if I preach the gospel, I have nothing to boast of, for I am under compulsion; for woe is me if I do not preach the gospel. 17For if I do this voluntarily, I have a reward; but if against my will, I have a stewardship entrusted to me. 18What then is my reward? That, when I preach the gospel, I may offer the gospel without charge, so as not to make full use of my right in the gospel.

19For though I am free from all *men*, I have made myself a slave to all, that I might win the more. 20And to the Jews I became as a Jew, that I might win Jews; to those who are under the Law, as under the Law, though not being myself under the Law, that I might win those who are under the Law; 21to those who are without law, as without law, though not being without the law of God but under the law of Christ, that I might win those who are without law.

1 Cô-rinh-tô 9.10-9.21

10Hay có phải Ngài đang hoàn-toàn phán vì có chúng ta? Phải, vì có chúng ta nó đã được viết, vì người cày phải cày trong hy-vọng, và kẻ đập lúa *làm việc* trong hy-vọng chia sẻ *thu hoạch*. 11Nếu chúng tôi đã gieo các điều thuộc-linh trong anh em, ấy là quá nhiều nếu chúng tôi gặt các thứ vật-chất từ anh em ư? 12Nếu các người khác chia chác quyền *này* trên anh em, chúng tôi không chia chác hơn ư? Dầu vậy, chúng tôi đã chẳng sử-dụng quyền này, nhưng chúng tôi chịu đựng tất cả các sự việc, để chúng tôi không gây ra trở-ngại nào cho tin-lành của Cơ-rít-tô. 13Há anh em chẳng biết rằng những kẻ làm việc phục-vụ thánh dùng *thức ăn* của đền-thờ, và những kẻ thường xuyên chăm lo bàn-thờ có phần chia của họ với bàn-thờ, hay sao? 14Cũng như thế Chúa đã truyền lệnh cho những kẻ công-bố tin-lành được sự sống của họ từ tin-lành. 15Nhưng tôi đã chẳng sử-dụng một cái nào trong những cái này. Và tôi không viết các điều này để nó được làm như thế trong trường-hợp của tôi; vì tốt cho tôi để chết hơn là có ai làm cho sự khoe-khoang của tôi thành một cái trống rỗng. 16Vì nếu tôi thuyết-giảng tin-lành, tôi không có gì để khoe-khoang về *nó*, vì tôi ở dưới sự ép-buộc; vì khôn *cho* tôi nếu tôi không thuyết-giảng tin-lành. 17Vì nếu tôi làm điều này một cách tự-nguyện, tôi có phần-thưởng; nhưng nếu *nó* chống lại ý muốn của tôi, tôi có một chức-vụ quản-lý được ủy-thác cho tôi. 18Thế thì phần-thưởng của tôi là gì? Rằng: khi tôi thuyết-giảng tin-lành, tôi có thể tặng tin-lành miễn phí, để không dùng trọn quyền của tôi trong tin-lành.

19Vì dầu tôi tự-do đối với mọi *người*, tôi đã làm mình thành nô-lệ của tất cả, để tôi có thể được nhiều hơn. 20Và đối với dân Giu-đa, tôi đã trở thành như một người Giu-đa, để tôi đã có thể được các người Giu-đa; đối với những kẻ dưới Luật-pháp, như dưới Luật-pháp, dầu chính tôi không dưới Luật-pháp, để tôi đã có thể được những kẻ dưới Luật-pháp; 21đối với những kẻ không có luật-pháp, như không có luật-pháp, dầu không phải không có luật-pháp của *Đức* Chúa TRỜI song dưới luật-pháp của Cơ-rít-tô, để tôi có thể được những kẻ không có luật-pháp.

1 Cô-rinh-tô 9.22-10.9

22Đối với kẻ yếu-đuối, tôi đã trở nên yếu-đuối, để tôi đã có thể được kẻ yếu-đuối; tôi đã trở thành mọi thứ đối với tất cả loài người, để tôi có thể bằng mọi cách cứu một số. 23Và tôi làm tất cả các sự việc vì có tin-lành, để tôi có thể trở thành một người đồng dự phần của tin-lành.

24Anh em há chẳng biết rằng những kẻ chạy trong một cuộc chạy đua, tất cả đều chạy, nhưng *chỉ có* một người nhận giải-thưởng hay sao? Hãy chạy theo cách mà anh em có thể thắng. 25Và mọi kẻ tranh-đua trong các trò chơi luyện-tập tự-chủ trong mọi sự việc. Thế thì họ *làm vậy* để nhận vòng hoa hư-nát, nhưng chúng ta *nhận* vòng hoa không thể hư-nát. 26Bởi vậy tôi chạy theo một cách như thế, không như không có đích; tôi đánh quyền theo một cách như thế, như chẳng đánh không khí; 27song tôi làm thân-thể tôi bầm và bắt nó làm nô-lệ của tôi, e rằng có thể, sau khi tôi đã thuyết-giảng cho người khác, chính tôi không phải bị loại.

Lấy sự sửa-phạt Y-sơ-ra-ên làm gương (10.1-10.13)

10 ¹Vì tôi chẳng muốn anh em không biết, hỡi anh em, rằng tất cả tổ-phụ của chúng ta đều ở dưới đám mây, và tất cả đều đi ngang qua biển; ²và tất cả đều được báp-tem vào trong Môi-se trong đám mây ấy và trong biển ấy, ³và tất cả đều ăn cùng một thức ăn thuộc-linh; ⁴và tất cả đều uống cùng một thức uống thuộc-linh, vì họ đã uống từ một vàng đá thuộc-linh, là thứ đã đi theo họ; và vàng đá ấy là Cơ-rít-tô. ⁵Tuy nhiên, Đức Chúa TRỜI đã chẳng rất vui lòng với hầu hết bọn họ; vì họ đã bị đặt nằm thấp trong vùng hoang-vu. ⁶Bây giờ các việc này đã xảy ra để làm gương cho chúng ta, để chúng ta không nên khao-khát các điều xấu-xa, như họ cũng đã khao-khát. ⁷Và đừng thờ hình-tượng, như một số trong bọn họ; như được viết: “DÂN-CHUNG NGÔI XUỐNG ĐỂ ĂN VÀ UỐNG, VÀ ĐỨNG LÊN CHƠI ĐUA.”⁽¹⁾ ⁸Chúng ta cũng đừng hành-động vô-luân, như một số trong bọn họ đã hành-động vô-luân, và 23 ngàn đã ngã trong một ngày. ⁹Chúng ta chớ thử Chúa⁽²⁾, như một số trong bọn họ đã thử, và đã bị con rắn hủy-diệt.

¹Xuất-hành 32.6, 32.19

²bản khác: Cơ-rít-tô

1 Corinthians 9.22-10.9

22To the weak I became weak, that I might win the weak; I have become all things to all men, that I may by all means save some. 23And I do all things for the sake of the gospel, that I may become a fellow partaker of it.

24Do you not know that those who run in a race all run, but *only* one receives the prize? Run in such a way that you may win. 25And everyone who competes in the games exercises self-control in all things. They then *do it* to receive a perishable wreath, but we an imperishable. 26Therefore I run in such a way, as not without aim; I box in such a way, as not beating the air; 27but I bruise my body and make it my slave, lest possibly, after I have preached to others, I myself should not be disqualified.

Take Israel's punishments as examples (10.1-10.13)

10 ¹For I do not want you to be unaware, brethren, that our fathers were all under the cloud, and all passed through the sea; ²and all were baptized into Moses in the cloud and in the sea; ³and all ate the same spiritual food; ⁴and all drank the same spiritual drink, for they were drinking from a spiritual rock which followed them; and the rock was Christ. ⁵Nevertheless, with most of them God was not well-pleased; for they were laid low in the wilderness. ⁶Now these things happened as examples for us, that we would not crave evil things, as they also craved. ⁷And do not be idolaters, as some of them were; as it is written, “THE PEOPLE SAT DOWN TO EAT AND DRINK, AND STOOD UP TO PLAY.” ⁸Nor let us act immorally, as some of them acted immorally, and twenty-three thousand fell in one day. ⁹Nor let us try the Lord, as some of them made trial, and were destroyed by the serpents.

1 Corinthians 10.10-10.24

¹⁰Nor grumble, as some of them grumbled, and were destroyed by the destroyer. ¹¹Now these things happened to them as an example, and they were written for our instruction, upon whom the ends of the ages have come. ¹²Therefore let him who thinks he stands take heed lest he falls. ¹³No temptation has overtaken you but such as is common to man; and God is faithful, who will not allow you to be tempted beyond what you are able, but with the temptation will provide the way of escape also, that you will be able to endure it.

Avoiding idol worship (10.14-10.22)

¹⁴Therefore, my beloved, flee from idolatry. ¹⁵I speak as to wise men; you judge what I say. ¹⁶Is not the cup of blessing which we bless a sharing in the blood of Christ? Is not the loaf which we break a sharing in the body of Christ? ¹⁷Since there is one loaf, we who are many are one body; for we all partake of the one loaf. ¹⁸Look at Israel according to the flesh, are not those who eat the sacrifices sharers in the altar? ¹⁹What do I mean then? That a thing sacrificed to idols is anything, or that an idol is anything? ²⁰No, but *I say* that the things which the Gentiles sacrifice, they sacrifice to demons, and not to God; and I do not want you to become sharers in demons. ²¹You cannot drink the cup of the Lord and the cup of demons; you cannot partake of the table of the Lord and the table of demons. ²²Or do we provoke the Lord to jealousy? We are not stronger than He, are we?

Responsibility to the weak (10.23-11.1)

²³All things are lawful, but not all things are profitable. All things are lawful, but not all things edify. ²⁴Let no one seek his own *good*, but that of his neighbor.

1 Cô-rinh-tô 10.10-10.24

¹⁰Cũng đừng cằn-nhần, như một số trong bọn họ đã cằn-nhần, và đã bị kẻ phá-hủy hủy-diệt. ¹¹Bấy giờ các điều này đã xảy ra cho họ làm gương, và chúng được viết cho sự dạy-dỗ chúng ta, sự cuối-cùng của các thời-đại đã đến trên chúng ta. ¹²Bởi vậy kẻ nghĩ hấn cứ đứng coi chừng e hấn ngã. ¹³Chẳng có sự cám-dỗ nào đã bất ngờ đến với anh em nhưng điều như vậy là thông-thường cho loài người; và Đức Chúa TRỜI thì thành-tín, Ngài sẽ không cho phép anh em bị thử-thách quá sức anh em, nhưng với sự thử-thách đó Ngài cũng sẽ cung-cấp con đường thoát thân, để anh em sẽ có thể chịu đựng nó.

Tránh thờ hình-tượng (10.14-10.22)

¹⁴Bởi vậy, hỡi kẻ yêu-dấu của tôi, hãy chạy khỏi sự thờ hình-tượng. ¹⁵Tôi nói như *nói* cùng các người khôn-ngoan; anh em hãy xét-đoán điều tôi nói. ¹⁶Há cái chén chúc phước mà chúng ta chúc phước chẳng phải là việc tham-gia trong huyết của Cơ-rít-tô hay sao? Há ổ bánh mà chúng ta bẻ chẳng phải là việc tham-gia trong thân-thể của Cơ-rít-tô hay sao? ¹⁷Vì chỉ có một ổ bánh, chúng ta là nhiều *song chỉ* là một thân; vì tất cả chúng ta dự phần vào một ổ bánh đó. ¹⁸Hãy xem Y-sơ-ra-ên theo phần xác-thịt, há những kẻ ăn các con sinh-tê chẳng phải là những kẻ chung phần tại bàn-thờ sao? ¹⁹Thế thì tôi muốn nói gì? Rằng một vật được cúng-tế cho các hình-tượng là vật gì, hay rằng một hình-tượng là vật gì? ²⁰*Không*, nhưng *tôi nói* rằng các vật mà dân Ngoại-bang cúng-tế, họ cúng-tế cho các quỷ-sứ, và không cho Đức Chúa TRỜI; và tôi không muốn anh em trở thành những kẻ có phần với các quỷ-sứ. ²¹Anh em chẳng có thể uống chén của Chúa và chén của các quỷ-sứ; anh em không có thể có phần bàn ăn của Chúa và bàn ăn của các quỷ-sứ. ²²Hay chúng ta trêu-chọc Chúa ghen-tị chẳng? Chúng ta chẳng mạnh hơn Ngài, phải chẳng?

Trách-nhiệm đối với kẻ yếu-đuối (10.23-11.1)

²³Tất cả các sự việc đều hợp-pháp, nhưng chẳng phải tất cả các sự việc đều có lợi. Tất cả các sự việc đều hợp-pháp, nhưng chẳng phải tất cả các sự việc đều gây dựng. ²⁴Chớ có ai nên tìm *điều tốt* cho riêng mình, nhưng cho người lân-cận của mình.

1 Cô-rinh-tô 10.25-11.5

25Hãy ăn bất cứ vật gì được bán trong chợ thịt, đừng đặt câu hỏi vì có lương-tâm; 26VÌ TRÁI ĐẤT LÀ CỦA ĐỨC CHÚA, VÀ MỌI VẬT NÓ CHỨA⁽¹⁾. 27Nếu một trong những kẻ chẳng tin mời anh em, và anh em muốn đi, hãy ăn bất cứ đồ gì được đặt trước mặt anh em đừng đặt câu hỏi vì có lương-tâm. 28Nhưng nếu người nào nói với anh em: “Đây là thịt đã được cúng-tế cho các hình-tượng,” thì chớ ăn nó, vì hấn đã cho anh em biết, và vì có lương-tâm; 29tôi có ý nói chẳng phải chính lương-tâm của anh em, nhưng lương-tâm của người khác đó; vì tại sao tự-do của tôi bị lương-tâm của một kẻ khác phán-xét? 30Nếu tôi dự phần với sự tạ-ơn, tại sao tôi lại bị vu-cáo về vật mà tôi đã tạ-ơn? 31Thế thì hoặc anh em ăn hay uống hay bất cứ điều gì anh em làm, hãy làm tất cả cho vinh-quang của Đức Chúa TRỜI. 32Chớ làm mất lòng hoặc các người Giu-đa hay các người Gờ-réc hoặc hội-thánh của Đức Chúa TRỜI; 33y như tôi cũng làm vui lòng mọi người trong mọi sự việc, không tìm lợi riêng của tôi, nhưng lợi của nhiều người, để họ có thể được cứu.

11 **1**Hãy bắt-chước tôi, y như tôi cũng bắt-chước Cơ-rít-tô.

3. Chỉ-dạy về sự thờ-phượng công-cộng (11.2-11.40)

Câu hỏi về việc trùm đầu trong lúc thờ-phượng (11.2-11.16)

2Bây giờ tôi khen anh em vì anh em nhớ tôi trong mọi sự, và giữ vững-vàng các truyền-thống, y như tôi đã giao chúng cho anh em. **3**Nhưng tôi muốn anh em hiểu rằng Cơ-rít-tô là đầu của mỗi người đàn-ông, và đàn-ông⁽²⁾ là đầu của người đàn-bà, và Đức Chúa TRỜI là đầu của Cơ-rít-tô. **4**Mỗi người đàn-ông có cái gì đó trên đầu của mình trong khi cầu-nguyện hay nói tiên-tri, thì làm nhục cái đầu của mình. **5**Nhưng mỗi người đàn-bà có cái đầu không được che phủ trong khi cầu-nguyện hay nói tiên-tri, làm nhục cái đầu của bà; vì bà là một và cùng là một với bà khi cạo đầu.

1 Corinthians 10.25-11.5

25Eat anything that is sold in the meat market, without asking questions for conscience' sake; 26FOR THE EARTH IS THE LORD'S, AND ALL IT CONTAINS. 27If one of the unbelievers invites you, and you wish to go, eat anything that is set before you without asking questions for conscience' sake. 28But if anyone should say to you, "This is meat sacrificed to idols," do not eat it, for the sake of the one who informed you, and for conscience' sake; 29I mean not your own conscience, but the other man's conscience; for why is my freedom judged by another's conscience? 30If I partake with thankfulness, why am I slandered concerning that for which I give thanks? 31Whether, then, you eat or drink or whatever you do, do all to the glory of God. 32Give no offense either to Jews or to Greeks or to the church of God; 33just as I also please all men in all things, not seeking my own profit, but the profit of the many, so that they may be saved.

11 **1**Be imitators of me, just as I also am of Christ.

3. Instruction on public worship (11.2-11.40)

Questions about covering the head in worship (11.2-11.16)

2Now I praise you because you remember me in everything, and hold firmly to the traditions, just as I delivered them to you. **3**But I want you to understand that Christ is the head of every man, and the man is the head of a woman, and God is the head of Christ. **4**Every man who has something on his head while praying or prophesying, disgraces his head. **5**But every woman who has her head uncovered while praying or prophesying, disgraces her head, for she is one and the same with her who is shaved.

¹Thánh-thi 24.1;50.12; 1 Ti-mô-thê 4.4

²cùng một chữ Hy-lạp có nghĩa đàn-ông hay người chồng

1 Corinthians 11.6-11.20

⁶For if a woman does not cover her head, let her also shear herself off; but if it is disgraceful for a woman to shear herself off or her head shaved, let her cover her head. ⁷For a man ought not to have his head covered, since he is the image and glory of God; but the woman is the glory of man. ⁸For man does not originate from woman, but woman from man; ⁹for indeed man was not created for the sake of woman, but woman for the sake of man. ¹⁰Therefore the woman ought to have *a symbol of authority* on her head, because of the angels. ¹¹However, in the Lord, neither is woman without man, nor man without woman. ¹²For as the woman originates from the man, so also the man *has his birth* through the woman; and all things originate from God. ¹³Judge for yourselves: is it proper for a woman to pray to God *with her head* uncovered? ¹⁴Does not even nature itself teach you that if a man has long hair, it is a dishonor to him, ¹⁵but if a woman has long hair, it is a glory to her? For her hair is given to her for a covering. ¹⁶But if one is inclined to be contentious, we have no other practice, nor have the churches of God.

Order at the Lord's supper (11.17-11.22)

¹⁷But in giving this instruction, I do not praise you, because you come together not for the better but for the worse. ¹⁸For, in the first place, when you come together in church, I hear that divisions exist among you; and in part, I believe it. ¹⁹For there must also be factions among you, in order that those who are approved may become evident among you. ²⁰Therefore when you meet together, it is not to eat the Lord's Supper,

1 Cô-rinh-tô 11.6-11.20

⁶Vì nếu một người đàn-bà không trùm đầu của mình, bà ấy cũng hãy tự cắt bỏ tóc của bà; nhưng nếu đó là nhục-nhã cho một người đàn-bà cắt bỏ tóc của mình hay đầu của bà bị cạo, thì bà hãy trùm đầu của bà. ⁷Vì người đàn-ông không nên trùm đầu của mình lại, vì người đàn-ông là hình-ảnh và vinh-quang của Đức Chúa TRỜI; nhưng người đàn-bà là vinh-quang của người đàn-ông. ⁸Vì đàn-ông đã không khởi-sự từ đàn-bà, nhưng đàn-bà từ đàn-ông; ⁹vì quả thật đàn-ông đã chẳng được sáng-tạo vì có đàn-bà, nhưng đàn-bà vì có đàn-ông. ¹⁰Bởi vậy người đàn-bà phải có *dấu-hiệu về thẩm-quyền* trên đầu của bà, vì các thiên-sứ⁽¹⁾. ¹¹Tuy nhiên, trong Chúa, không phải đàn-bà không có đàn-ông, cũng không phải đàn-ông không có đàn-bà. ¹²Vì như người đàn-bà khởi-sự từ người đàn-ông, cũng thế người đàn-ông được sinh ra qua người đàn-bà; nhưng tất cả sự vật đều khởi-sự từ Đức Chúa TRỜI. ¹³Hãy tự mà xem lấy: có hợp lẽ cho một người đàn-bà cầu-nguyện cùng Đức Chúa TRỜI *mà đầu* không được che phủ chẳng? ¹⁴Có phải ngay cả chính thiên-niên chẳng dạy anh em rằng nếu một người đàn-ông có tóc dài, ấy là một điều nhục-nhã cho hẳn, ¹⁵song nếu một người đàn-bà có tóc dài, ấy là vinh-quang cho bà? Vì tóc của bà được ban cho bà làm vật che phủ. ¹⁶Nhưng nếu một người có khuynh-hướng tranh-cạnh, chúng tôi không có thói-quen khác, và các hội-thánh của Đức Chúa TRỜI cũng không.

Trật-tự trong tiệc-thánh của Chúa (11.17-11.22)

¹⁷Nhưng trong việc cho lời chỉ-dạy này, tôi không khen anh em, vì anh em đến với nhau không vì điều tốt hơn song vì điều tệ hơn. ¹⁸Vì, trước hết, khi anh em đến với nhau trong hội-thánh, tôi nghe rằng có sự chia-rẽ giữa anh em; và phần nào, tôi tin điều đó. ¹⁹Vì cũng phải có các bè-đảng ở giữa anh em, để những kẻ được tán-thành có thể đã trở nên hiển-nhiên giữa anh em. ²⁰Bởi vậy khi anh em gặp nhau, ấy chẳng để ăn Tiệc-Thánh của Chúa,

¹Chỉ về quyền-phép mình nương-tựa; Khải-huyền 2 cho biết hội-thánh có vị thiên-sứ của hội-thánh, chớ làm phạt lòng vị thiên-sứ

1 Cô-rinh-tô 11.21-12.1

²¹vì trong việc ăn uống của anh em, mỗi một người lấy bữa ăn riêng của mình trước nhất; và người này đói và kẻ kia say. ²²Cái gì vậy! Bộ anh em không có nhà để ăn và uống trong đó hay sao? Hay là anh em khinh-bĩ hội-thánh của Đức Chúa TRỜI, và làm nhục những kẻ không có gì? Điều gì tôi nên nói với anh em? Có phải tôi nên khen anh em không? Trong việc này tôi không khen anh em.

Tiệc Thánh của Chúa (11.23-11.34)

²³Vì tôi đã nhận từ Chúa điều mà tôi cũng đã trao cho anh em, rằng: Chúa Giê-xu trong đêm Ngài bị phản, lấy bánh, ²⁴và khi Ngài đã tạ-on, Ngài bẻ nó, và nói: “Đây là thân-thể của Ta, nó vì các ngươi⁽¹⁾; hãy làm điều này để tưởng nhớ Ta.” ²⁵Theo cùng một cách, Ngài cũng cầm chén, sau bữa ăn tối, nói: “Chén này là giao-ước mới bằng huyết của Ta; hãy làm điều này, mỗi khi các ngươi uống, để tưởng nhớ Ta.” ²⁶Vì mỗi khi anh em ăn bánh này và uống chén này, anh em tuyên-bố sự chết của Chúa cho đến khi Ngài đến. ²⁷Bởi vậy hễ ai ăn bánh hoặc uống chén của Chúa theo cách không xứng-đáng, sẽ có tội về thân-thể và huyết của Chúa. ²⁸Nhưng một người hãy tự xét, và như thế người ấy hãy ăn bánh ấy và hãy uống chén ấy. ²⁹Vì kẻ ăn và uống, ăn và uống sự xét-đoán cho chính mình, nếu người ấy không xét-đoán thân-thể ấy đúng đắn. ³⁰Vì lý-do này nhiều người trong anh em yếu-đuối và đau-ôm, và một số ngủ. ³¹Nhưng nếu chúng ta xét-đoán mình đúng đắn, chúng ta không bị xét-đoán. ³²Nhưng khi chúng ta bị xét-đoán, chúng ta bị Chúa kỷ-luật để chúng ta có thể không bị kết-án cùng với thế-gian. ³³Như thế thì, hỡi anh em, khi anh em đến với nhau để ăn, hãy chờ lẫn nhau. ³⁴Nếu người nào đói, người đó hãy ăn ở nhà, để anh em có thể không đến với nhau cho sự phán-xét. Và các vấn-đề còn lại tôi sẽ thu xếp hễ khi nào tôi đến.

Phao-lô dạy về ân-tử thuộc linh (12.1-12.11)

12 ¹Bây giờ về các ân-tử thuộc-linh, hỡi anh em, tôi không muốn anh em chẳng biết.

1 Corinthians 11.21-12.1

²¹for in your eating each one takes his own supper first; and one is hungry and another is drunk. ²²What! Do you not have houses in which to eat and drink? Or do you despise the church of God, and shame those who have nothing? What shall I say to you? Shall I praise you? In this I will not praise you.

The Lord's supper (11.23-11.34)

²³For I received from the Lord that which I also delivered to you, that the Lord Jesus in the night in which He was betrayed took bread; ²⁴and when He had given thanks, He broke it, and said, “This is My body, which is for you; do this in remembrance of Me.” ²⁵In the same way He took the cup also, after supper, saying, “This cup is the new covenant in My blood; do this, as often as you drink it, in remembrance of Me.” ²⁶For as often as you eat this bread and drink the cup, you proclaim the Lord's death until He comes. ²⁷Therefore whoever eats the bread or drinks the cup of the Lord in an unworthy manner, shall be guilty of the body and the blood of the Lord. ²⁸But let a man examine himself, and so let him eat of the bread and drink of the cup. ²⁹For he who eats and drinks, eats and drinks judgment to himself, if he does not judge the body rightly. ³⁰For this reason many among you are weak and sick, and a number sleep. ³¹But if we judged ourselves rightly, we should not be judged. ³²But when we are judged, we are disciplined by the Lord in order that we may not be condemned along with the world. ³³So then, my brethren, when you come together to eat, wait for one another. ³⁴If anyone is hungry, let him eat at home, so that you may not come together for judgment. And the remaining matters I shall arrange whenever I come.

Paul teaches about spiritual gifts (12.1-12.11)

12 ¹Now concerning spiritual gifts, brethren, I do not want you to be unaware.

¹bản dịch khác thêm *bẻ ra*

1 Corinthians 12.2-12.17

²You know that when you were pagans, *you were* led astray to the mute idols, howsoever you might be led. ³Therefore I make known to you that no one speaking by the Spirit of God says, “Jesus is accursed”; and no one can say, “Jesus is Lord,” except by the Holy Spirit.

⁴Now there are varieties of gifts, but the same Spirit. ⁵And there are varieties of ministries, and the same Lord. ⁶And there are varieties of effects, but the same God who works all things in all *persons*. ⁷But to each one is given the manifestation of the Spirit for the common good. ⁸For to one is given the word of wisdom through the Spirit, and to another the word of knowledge according to the same Spirit; ⁹to another faith by the same Spirit, and to another gifts of healing by the one Spirit, ¹⁰and to another the effecting of miracles, and to another prophecy, and to another the distinguishing of spirits, to another *various* kinds of tongues, and to another the interpretation of tongues. ¹¹But one and the same Spirit works all these things, distributing to each one individually just as He wills.

Believers are the body of Christ (12.12-12.31)

¹²For even as the body is one and *yet* has many members, and all the members of the body, though they are many, are one body, so also is Christ. ¹³For by one Spirit we were all baptized into one body, whether Jews or Greeks, whether slaves or free, and we were all made to drink of one Spirit. ¹⁴For the body is not one member, but many. ¹⁵If the foot should say, “Because I am not a hand, I am not *a part* of the body,” it is not for this reason not *a part* of the body. ¹⁶And if the ear should say, “Because I am not an eye, I am not *a part* of the body,” it is not for this reason not *a part* of the body. ¹⁷If the whole body were an eye, where would the hearing be? If the whole were hearing, where would the sense of smell be?

1 Cô-rinh-tô 12.2-12.17

²Anh em biết rằng khi anh em là các kẻ ngoại-giáo, *anh em đã* bị dẫn đi lạc lối⁽¹⁾ đến các hình-tượng câm, bằng mọi cách anh em đã có thể bị dẫn. ³Bởi vậy tôi cho anh em biết rằng chẳng ai nói bởi Linh của Đức Chúa TRỜI rằng: “Giê-xu bị rủa-sả”; và không ai có thể nói: “Giê-xu là Chúa,” trừ phi bởi Đức Thánh-Linh.

⁴Bây giờ có các ân-tứ khác nhau, song cùng một Linh. ⁵Và có các mục-vụ khác nhau, và cùng một Chúa. ⁶Và có các ảnh-hưởng khác nhau, nhưng cùng một Đức Chúa TRỜI là Đấng làm mọi việc trong mọi *người*. ⁷Nhưng mỗi *người* được ban sự biểu-lộ của Linh vì việc tốt-lành chung. ⁸Vì người này được ban lời nói khôn-ngoan qua Linh, và người khác, lời nói hiểu biết theo cùng một Linh; ⁹cho kẻ khác đức-tin bởi cùng một Linh, và cho kẻ khác các ân-tứ chữa lành bệnh bởi một Linh đó; ¹⁰và cho kẻ khác làm các phép lạ, và cho kẻ khác lời tiên-tri, cho kẻ khác việc phân-biệt các linh, cho kẻ khác nhiều thứ ngôn-ngữ khác nhau, và cho kẻ khác việc thông-dịch các ngôn-ngữ. ¹¹Song một và cùng một Linh làm mọi sự việc này, phân-phát cho mỗi người một cách cá-nhân y như Ngài muốn.

Các tín-nhân là thân-thể của Cơ-rít-tô (12.12-12.31)

¹²Vì ngay cả như thân-thể là một và *vẫn* có nhiều chi-thể, và tất cả chi-thể của thân-thể, đều chung thì nhiều, đều là⁽²⁾ một thân-thể, Cơ-rít-tô cũng thế. ¹³Vì bởi một Linh tất cả chúng ta được báp-tem vào trong một thân-thể, hoặc các người Giu-đa hay các người Gờ-réc, hoặc các kẻ nô-lệ hay các kẻ tự-do, và tất cả chúng ta buộc uống một Linh. ¹⁴Vì thân-thể không là một chi-thể, nhưng *có* nhiều. ¹⁵Nếu cái chân nói: “Vì ta chẳng phải là bàn tay, ta không là *một phần* của thân-thể,” chẳng vì lý-do này mà không là *một phần* của thân-thể. ¹⁶Và nếu cái tai nói: “Vì ta chẳng phải là con mắt, ta không là *một phần* của thân-thể,” chẳng vì lý-do này mà không là *một phần* của thân-thể. ¹⁷Nếu cả thân-thể là một con mắt, thì nghe ở đâu? Nếu cả thân-thể là việc nghe, thì khứu giác ở đâu?

¹hay: dẫn-dắt vào các con đường lầm-lạc đến

²hay: cũng chi hiệp thành một thân-thể

1 Cô-rinh-tô 12.18-13.1

18Nhưng bây giờ Đức Chúa TRỜI đã đặt các chi-thể, mỗi một chi-thể, trong thân-thể, y như Ngài đã muốn. 19Và nếu tất cả chúng là một chi-thể, thì cái thân ở đâu? 20Nhưng bây giờ có nhiều chi-thể, song một thân-thể. 21Và con mắt chẳng có thể nói cùng bàn tay: “Ta chẳng cần ngươi”; hay một lần nữa cái đầu cùng các chân: “Ta chẳng cần các ngươi.” 22Trái lại, tới một mức-độ lớn hơn nhiều, các chi-thể của thân xem như yếu hơn lại cần-thiết; 23và các *chi-thể* của thân-thể, mà chúng ta tưởng là ít trọng, chúng ta trọng chúng hơn, và các *chi-thể* không thích đáng của chúng ta trở thành thích đáng nhiều hơn; 24trong khi các *chi-thể* thích đáng của chúng ta lại không cần. Nhưng Đức Chúa TRỜI đã tạo ra thân-thể *như thế*, ban nhiều tôn-trọng hơn cho *chi-thể* thiếu tôn-trọng, 25để không có một sự phân-chia nào trong thân-thể, nhưng để các chi-thể phải có cùng một sự chăm-chú cho lẫn nhau. 26Và nếu một chi-thể đau-đớn, tất cả các chi-thể đều đau-đớn với nó; nếu một chi-thể được vinh-quang, tất cả các chi-thể vui-mừng với nó. 27Bây giờ anh em là thân-thể của Cơ-rít-tô, và một cách cá-nhân là các chi-thể của *thân-thể*. 28Và Đức Chúa TRỜI đã lập một số trong hội-thánh, thứ nhất các sứ-đồ, thứ nhì các đấng tiên-tri, thứ ba các giáo-viên, đoạn các phép lạ, đoạn các ân-tứ chữa lành bệnh, các sự giúp-đỡ, các sự quản-lý, các thứ ngôn-ngữ khác nhau. 29Tất cả chẳng là các sứ-đồ, phải chăng? Tất cả chẳng là các tiên-tri, phải chăng? Tất cả chẳng là các giáo-viên, phải chăng? Tất cả chẳng là các người làm các phép-lạ, có chăng? 30Tất cả chẳng có các ân-tứ chữa lành bệnh, phải chăng? Tất cả chẳng nói với lưỡi, phải chăng? Tất cả chẳng phiên dịch, phải chăng? 31Nhưng hãy sốt-sắng muốn các ân-tứ lớn hơn. Và tôi chỉ cho anh em một cách còn tuyệt hơn.

Các đặc-tính của tình thương-yêu (13.1-13.13)

13 1Nếu tôi nói với các ngôn-ngữ của loài người và của thiên-sứ, nhưng không có tình yêu-thương, tôi đã trở thành cái phèng ồn-ào hay cái chập-chỏa leng keng.

1 Corinthians 12.18-13.1

18But now God has placed the members, each one of them, in the body, just as He desired. 19And if they were all one member, where would the body be? 20But now there are many members, but one body. 21And the eye cannot say to the hand, “I have no need of you”; or again the head to the feet, “I have no need of you.” 22On the contrary, to a much greater degree the members of the body which seem to be weaker are necessary; 23and those *members* of the body, which we deem less honorable, on these we bestow more abundant honor, and our unseemly *members come* to have more abundant seemliness, 24whereas our seemly *members* have no need of it. But God has so composed the body, giving more abundant honor to that *member* which lacked, 25that there should be no division in the body, but that the members should have the same care for one another. 26And if one member suffers, all the members suffer with it; if *one* member is glorified, all the members rejoice with it. 27Now you are the body of Christ, and individually members of it. 28And God has set some in the church, first apostles, second prophets, third teachers, then miracles, then gifts of healings, helps, administrations, *various* kinds of tongues. 29All are not apostles, are they? All are not prophets, are they? All are not teachers, are they? All are not *workers of* miracles, are they? 30All do not have gifts of healings, do they? All do not speak with tongues, do they? All do not interpret, do they? 31But earnestly desire the greater gifts. And I show you a still more excellent way.

The characteristics of love (13.1-13.13)

13 1If I speak with the tongues of men and of angels, but do not have love, I have become a noisy gong or a clanging cymbal.

1 Corinthians 13.2-14.4

²And if I have *the gift of prophecy*, and know all mysteries and all knowledge; and if I have all faith, so as to remove mountains, but do not have love, I am nothing. ³And if I give all my possessions to feed *the poor*, and if I deliver my body to be burned, but do not have love, it profits me nothing. ⁴Love is patient, love is kind *and* is not jealous; love does not brag *and* is not arrogant, ⁵does not act unbecomingly; it does not seek its own, is not provoked, does not take into account a wrong *suffered*, ⁶does not rejoice in unrighteousness, but rejoices with the truth; ⁷bears all things, believes all things, hopes all things, endures all things. ⁸Love never fails; but if *there are gifts of prophecies*, they will be done away; if *there are tongues*, they will cease; if *there is knowledge*, it will be done away. ⁹For we know in part, and we prophesy in part; ¹⁰but when the perfect comes, the partial will be done away. ¹¹When I was a child, I used to speak as a child, think as a child, reason as a child; when I became a man, I did away with childish things. ¹²For now we see in a mirror in a riddle, but then face to face; now I know in part, but then I will know fully just as I also have been fully known. ¹³But now abide faith, hope, love, these three; but the greatest of these is love.

Paul teaches about the gifts of prophecy and tongues (14.1-14.19)

14 ¹Pursue love, yet desire earnestly spiritual *gifts*, but especially that you may prophesy. ²For one who speaks in a tongue does not speak to men, but to God; for no one understands, but in *his* spirit he speaks mysteries. ³But one who prophesies speaks to men for edification and exhortation and consolation. ⁴One who speaks in a tongue edifies himself; but one who prophesies edifies the church.

1 Cô-rinh-tô 13.2-14.4

²Và nếu tôi có *ân-tử* tiên-tri, và biết tất cả các sự mầu-nhiệm và tất cả kiến-thức; và nếu tôi có tất cả đức-tin, để dời núi, nhưng không có tình yêu-thương, tôi chẳng là gì cả. ³Và nếu tôi cho tất cả các vật tôi sở-hữu để nuôi *kẻ nghèo*, và nếu tôi nộp thân-thể của tôi để bị đốt, song không có tình yêu-thương, nó không có lợi gì cho tôi cả. ⁴Tình yêu-thương nhẫn-nại, tình yêu-thương tử tế và không ghen-tị; tình yêu-thương chẳng khoác lác và chẳng kiêu-căng, ⁵chẳng hành-động một cách không thích-hợp; nó chẳng tìm của riêng cho nó, chẳng bị chọc giận, chẳng ghim gút sự sai trái, ⁶chẳng vui-mừng trong sự không công-chính, nhưng vui-mừng với lẽ-thật; ⁷gánh chịu mọi sự, tin mọi sự, hy-vọng mọi sự, chịu đựng mọi sự. ⁸Tình yêu-thương chẳng bao giờ dứt; nhưng nếu *có những ân-tử* tiên-tri, chúng sẽ cáo-chung; nếu *có các ngôn-ngữ*, chúng sẽ hết; nếu *có kiến-thức*, nó sẽ cáo-chung. ⁹Vì chúng ta nhận biết một phần nào thôi, và chúng ta tiên-tri một phần nào thôi; ¹⁰song khi sự trọn- vẹn đến, sự không trọn- vẹn sẽ cáo-chung. ¹¹Khi tôi là một đứa bé, tôi thường nói như đứa bé, nghĩ như đứa bé, lý-luận như đứa bé; khi tôi đã trở thành một người lớn, tôi đã chấm dứt những sự việc thuộc về trẻ con. ¹²Vì bây giờ chúng ta thấy trong một cái gương một điều bí ẩn khó hiểu, nhưng rồi mặt đối mặt; bây giờ tôi nhận biết phần nào thôi, nhưng rồi tôi sẽ nhận biết một cách trọn vẹn y như tôi cũng đã được biết trọn- vẹn. ¹³Nhưng bây giờ tồn-tại 3 điều này: đức-tin, hy-vọng, và tình yêu-thương; nhưng điều lớn nhất trong chúng là tình yêu-thương.

Phao-lô giảng-dạy về các ân-tử tiên-tri và các lưỡi (14.1-14.19)

14 ¹Hãy theo đuổi tình yêu-thương, tuy vậy, hãy sốt-sắng ham muốn *các ân-tử* thuộc-linh, nhưng đặc-biệt để anh em có thể tiên-tri. ²Vì người nói bằng lưỡi không nói cùng loài người, nhưng cùng *Đức Chúa TRỜI*; vì chẳng ai hiểu, song trong linh *của hấn*, hấn nói các sự mầu-nhiệm. ³Nhưng người nói tiên-tri nói cùng loài người để gây-dựng và khích-lệ và yên-ủi. ⁴Người nói bằng lưỡi gây-dựng chính hấn; nhưng người nói tiên-tri gây-dựng hội-thánh.

1 Cô-rinh-tô 14.5-14.19

⁵Bây giờ tôi muốn rằng tất cả anh em đều nói bằng các lưỡi, nhưng *hơn thế nữa* rằng anh em sẽ nói tiên-tri; và người nói tiên-tri trọng hơn người nói bằng các lưỡi, trừ phi hẳn giải-thích, để hội-thánh có thể nhận việc gây-dựng. ⁶Nhưng bây giờ, hỡi anh em, nếu tôi đến cùng anh em nói bằng các lưỡi, điều lợi gì tôi sẽ làm cho anh em, trừ phi tôi nói với anh em hoặc bằng khái-thị hay bằng hiểu biết hay bằng tiên-tri, hay bằng giảng-dạy? ⁷Tuy nhiên *ngay cả* các vật vô-tri vô-giác, hoặc ống sáo hay đàn hạc, trong việc phát ra âm thanh, nếu chúng không phát ra sự phân-biệt trong các âm, thì làm thế nào người ta biết cái gì đang chơi, sáo hay đàn hạc? ⁸Vì nếu kèn trom-bét phát ra tiếng không rõ ràng, ai sẽ tự sửa-soạn ra trận? ⁹Cũng như thế hỡi anh em, trừ phi anh em thốt ra bằng lưỡi lời nói rõ-ràng, làm sao người ta biết anh em nói gì? Vì anh em sẽ nói bông-lông. ¹⁰Có lẽ có rất nhiều thứ tiếng nói trong thế-giới, và không có một *thứ nào* là không có ý-nghĩa. ¹¹Thế thì nếu tôi không biết ý-nghĩa của tiếng nói ấy, đối với người nói đó tôi sẽ là một người dã man, và đối với tôi, người nói đó sẽ là một người dã man. ¹²Cũng như thế hỡi anh em, vì anh em có nhiệt-tâm về các linh, hãy tìm cách vượt trội cho việc gây-dựng hội-thánh. ¹³Bởi vậy người nói bằng lưỡi hãy cầu-nguyện rằng hẳn có thể giải-thích. ¹⁴Vì nếu tôi cầu-nguyện bằng lưỡi, linh tôi cầu-nguyện, nhưng trí tôi không có lợi. ¹⁵Vậy thì *kết-quả* là gì? Tôi sẽ cầu-nguyện với linh và tôi cũng sẽ cầu-nguyện với trí; tôi sẽ hát với linh và tôi cũng sẽ hát với trí. ¹⁶Bằng không, nếu anh em chúc phước *chỉ* bằng linh, làm sao người ở vào vị trí của kẻ không được ân-tử nói chữ “A-men” ở việc tạ-on của anh em, vì hẳn không biết anh em đang nói gì? ¹⁷Vì anh em tạ-on tốt rồi, nhưng người khác không được gây-dựng. ¹⁸Tôi tạ-on Đức Chúa TRỜI, tôi nói bằng các lưỡi nhiều hơn tất cả anh em; ¹⁹tuy nhiên, trong hội-thánh, tôi muốn nói 5 chữ với trí của tôi, để tôi cũng có thể chỉ dạy những kẻ khác, hơn là 10 ngàn chữ bằng lưỡi.

Lời chỉ-dẫn cho hội-thánh (14.20-14.25)

1 Corinthians 14.5-14.19

⁵Now I wish that you all spoke in tongues, but *even* more that you would prophesy; and greater is one who prophesies than one who speaks in tongues, unless he interprets, so that the church may receive edifying. ⁶But now, brethren, if I come to you speaking in tongues, what shall I profit you, unless I speak to you either by way of revelation or of knowledge or of prophecy or of teaching? ⁷Yet *even* lifeless things, either flute or harp, in producing a sound, if they do not produce a distinction in the tones, how will it be known what is played on the flute or on the harp? ⁸For if the trumpet produces an indistinct sound, who will prepare himself for battle? ⁹So also you, unless you utter by the tongue speech that is clear, how will it be known what is spoken? For you will be speaking into the air. ¹⁰There are, perhaps, a great many kinds of voices in the world, and no *kind* is without meaning. ¹¹If then I do not know the meaning of the voice, I will be to the one who speaks a barbarian, and the one who speaks will be a barbarian to me. ¹²So also you, since you are zealous of spirits, seek to abound for the edification of the church. ¹³Therefore let one who speaks in a tongue pray that he may interpret. ¹⁴For if I pray in a tongue, my spirit prays, but my mind is unfruitful. ¹⁵What is *the outcome* then? I shall pray with the spirit and I shall pray with the mind also; I shall sing with the spirit and I shall sing with the mind also. ¹⁶Otherwise if you bless in the spirit *only*, how will the one who fills the place of the ungifted say the “Amen” at your giving of thanks, since he does not know what you are saying? ¹⁷For you are giving thanks well enough, but the other person is not edified. ¹⁸I thank God, I speak in tongues more than you all; ¹⁹however, in the church I desire to speak five words with my mind, that I may instruct others also, rather than ten thousand words in a tongue.

Instruction for the church (14.20-14.25)

1 Corinthians 14.20-14.33

20Brethren, do not be children in your thinking; yet in evil be babes, but in your thinking be mature. **21**In the Law it is written, “BY MEN OF STRANGE TONGUES AND BY THE LIPS OF STRANGERS I WILL SPEAK TO THIS PEOPLE, AND EVEN SO THEY WILL NOT LISTEN TO ME,” says the Lord. **22**So then tongues are for a sign, not to those who believe, but to unbelievers; but prophecy *is for a sign*, not to unbelievers but to those who believe. **23**Therefore if the whole church should assemble together and all speak in tongues, and ungifted men or unbelievers enter, will they not say that you are mad? **24**But if all prophesy, and an unbeliever or an ungifted man enters, he is convicted by all, he is called to account by all; **25**the secrets of his heart are disclosed; and so he will fall on his face and worship God, declaring that God is certainly among you.

Worship in an orderly way (14.26-14.40)

26What is *the outcome* then, brethren? When you assemble, each one has a psalm, has a teaching, has a revelation, has a tongue, has an interpretation. Let all things be done for edification. **27**If anyone speaks in a tongue, *it should be* by two or at the most three, and *each* in turn, and let one interpret; **28**but if there is no interpreter, let him keep silent in the church; and let him speak to himself and to God. **29**And let two or three prophets speak, and let the others pass judgment. **30**But if a revelation is made to another who is seated, let the first keep silent. **31**For you can all prophesy one by one, so that all may learn and all may be exhorted; **32**and the spirits of prophets are subject to prophets; **33**for God is not *a God* of confusion but of peace, as in all the churches of the saints.

1 Cô-rinh-tô 14.20-14.33

20Hỡi anh em, đừng là trẻ con trong việc suy-nghĩ của anh em; tuy nhiên trong sự xấu-xa hãy là trẻ sơ sinh, nhưng trong việc suy-nghĩ của anh em hãy trưởng-thành. **21**Trong Luật-pháp có viết: “BỞI LOÀI NGƯỜI CÓ CÁC LƯỠI LẠ VÀ BỞI CÁC MÔI CỦA NHỮNG KẸ XA-LẠ, TA SẼ PHÁN CÙNG DÂN NÀY, VÀ THẬM CHỈ CHÚNG CŨNG SẼ CHẰNG NGHE TA,”⁽¹⁾ Chúa phán. **22**Vậy thì, các lưỡi cho dấu hiệu, chẳng cho những kẻ tin, nhưng cho những kẻ chẳng tin; nhưng lời tiên-tri *cho dấu hiệu*, chẳng cho những kẻ không tin, nhưng cho những kẻ tin. **23**Bởi vậy, nếu toàn-thể hội-thánh nhóm họp với nhau và tất cả nói bằng các lưỡi, và các người chẳng được ân-tử hay những kẻ chẳng tin vào, họ sẽ chẳng nói rằng anh em điên hay sao? **24**Nhưng nếu tất cả đều tiên-tri, và người chẳng tin hoặc người chẳng được ân-tử vào, hẳn bị kết-án bởi tất cả, hẳn bị buộc chịu trách-nhiệm bởi tất cả; **25**các sự bí-mật của tâm hẳn bị lộ ra; và vì vậy hẳn sẽ sấp mặt của hẳn xuống và thờ-lạy Đức Chúa TRỜI, tuyên-bố rằng Đức Chúa TRỜI chắc-chắn ở giữa anh em.

Thờ-phượng có trật-tự (14.26-14.40)

26Thế thì *kết-quả* là gì, hỡi anh em? Khi anh em nhóm lại, mỗi một người có một thánh-thi, có một lời giảng-dạy, có một khái-thị, có một lưỡi, có sự phiên dịch. Hãy để mọi việc được làm cho sự gây-dựng. **27**Nếu có người nói bằng lưỡi, *để* 2 hay tối đa 3, và thay phiên *nhau*, và hãy để một người phiên dịch; **28**nhưng nếu không có người phiên dịch, hẳn hãy giữ im-lặng trong hội-thánh; và hẳn hãy nói với mình và với Đức Chúa TRỜI. **29**Và hãy để 2 hay 3 nhà tiên-tri nói, và hãy để những kẻ khác đánh giá. **30**Nhưng nếu một khái-thị được tỏ ra cho một người khác đang ngồi, thì người thứ nhất hãy giữ im-lặng. **31**Vì tất cả anh em đều có thể nói tiên-tri từng người một, để tất cả có thể học và tất cả có thể được khích-lệ; **32**và linh của các đấng tiên-tri phục tùng các đấng tiên-tri; **33**vì Đức Chúa TRỜI không là một *Thần* có sự hỗn-loạn nhưng có sự hòa-bình, như trong tất cả các hội-thánh của các thánh-đô.

¹Ê-sai 28.11

1 Cô-rinh-tô 14.34-15.9

34Các bà hãy giữ im-lặng trong các hội-thánh; vì họ không được phép nói, song họ hãy phục-tùng họ, y như Luật-pháp cũng phán. **35**Và nếu họ muốn học một điều nào, họ hãy hỏi chính chồng của họ ở nhà; vì không thích-hợp cho một người đàn-bà nói *lên* trong hội-thánh⁽¹⁾. **36**Hoặc có phải từ anh em mà lời *Đức* Chúa TRỜI đã đi ra *đầu tiên* hay sao? Hay nó đã chỉ đến cùng anh em?

37Nếu có ai nghĩ hấn là đáng tiên-tri hay thuộc-linh, hấn hãy công-nhận rằng những điều mà tôi viết cho anh em là mệnh-lệnh của Chúa. **38**Nhưng nếu người nào chẳng công-nhận *điều này*, hấn chẳng được công-nhận.

39Bởi vậy, hỡi anh em, hãy sốt-sắng ham muốn nói tiên-tri, và đừng cấm nói bằng các lưỡi. **40**Song mọi sự việc phải được làm một cách thích-hợp và theo trật-tự.

4. *Chỉ-dạy về sự sống lại (15.1-15.58)*

Sự sống lại của Cơ-rít-tô (15.1-15.11)

15 1Bây giờ tôi cho anh em được biết, hỡi anh em, tin-lành mà tôi đã thuyết-giảng cho anh em, mà anh em cũng đã nhận, trong đó anh em cũng đứng, **2**bởi đó anh em cũng được cứu, nếu anh em nắm vững lời mà tôi đã thuyết-giảng cho anh em, trừ phi anh em đã tin vô ích. **3**Vì tôi đã bàn giao cho anh em giữa vòng những kẻ đầu tiên điều tôi cũng đã nhận, rằng Cơ-rít-tô đã chết vì những tội của chúng ta theo lời Thánh-Kinh, **4**và rằng Ngài đã được chôn, và rằng Ngài đã được vục sống lại vào ngày thứ ba theo lời Thánh-Kinh, **5**và rằng Ngài đã hiện ra cùng Sê-pha, đoạn cùng 12 vị. **6**Sau đó Ngài đã hiện ra cùng hơn 500 anh em cùng một lúc, đa số còn lại cho đến bây giờ, song một ít đã ngủ; **7**đoạn Ngài đã hiện ra cùng Gia-cơ, đoạn cùng tất cả các sứ-đồ; **8**và sau rốt, như là cùng một kẻ sinh trái mùa, Ngài cũng đã hiện ra cùng tôi. **9**Vì tôi là kẻ kém nhất trong các sứ-đồ, là kẻ không xứng để được gọi là sứ-đồ, vì tôi đã bắt bớ hội-thánh của *Đức* Chúa TRỜI.

1 Corinthians 14.34-15.9

34Let the women keep silent in the churches; for they are not permitted to speak, but let them subject themselves, just as the Law also says. **35**And if they desire to learn anything, let them ask their own husbands at home; for it is improper for a woman to speak in church. **36**Or was it from you that the word of God *first* went forth? Or has it come to you only?

37If anyone thinks he is a prophet or spiritual, let him recognize that the things which I write to you are the commandment of the Lord. **38**But if anyone does not recognize *this*, he is not recognized.

39Therefore, my brethren, desire earnestly to prophesy, and do not forbid to speak in tongues. **40**But let all things be done properly and in an orderly manner.

4. *Instruction on the resurrection (15.1-15.58)*

The resurrection of Christ (15.1-15.11)

15 1Now I make known to you, brethren, the gospel which I preached to you, which also you received, in which also you stand, **2**by which also you are saved, if you hold fast the word which I preached to you, unless you believed in vain. **3**For I delivered to you among the first what I also received, that Christ died for our sins according to the Scriptures, **4**and that He was buried, and that He was raised on the third day according to the Scriptures, **5**and that He appeared to Cephas, then to the twelve. **6**After that He appeared to more than five hundred brethren at one time, most of whom remain until now, but some have fallen asleep; **7**then He appeared to James, then to all the apostles; **8**and last of all, as it were to one untimely born, He appeared to me also. **9**For I am the least of the apostles, who am not fit to be called an apostle, because I persecuted the church of God.

¹bản khác đặt các câu 34-35 sau câu 40

1 Corinthians 15.10-15.25

¹⁰But by the grace of God I am what I am, and His grace toward me did not prove vain; but I labored even more than all of them, yet not I, but the grace of God with me. ¹¹Whether then *it was* I or they, so we preach and so you believed.

The resurrection of the dead (15.12-15.19)

¹²Now if Christ is preached, that He has been raised from the dead, how do some among you say that there is no resurrection of the dead? ¹³But if there is no resurrection of the dead, not even Christ has been raised; ¹⁴and if Christ has not been raised, then our preaching is vain, and your faith also is vain. ¹⁵Moreover we are even found *to be* false witnesses of God, because we witnessed against God that He raised Christ, whom He did not raise, if in fact the dead are not raised. ¹⁶For if the dead are not raised, not even Christ has been raised; ¹⁷and if Christ has not been raised, your faith is worthless; you are still in your sins. ¹⁸Then those also who have fallen asleep in Christ have perished. ¹⁹If we have hoped in Christ in this life only, we are of all men most to be pitied.

The order of the resurrection (15.20-15.34)

²⁰But now Christ has been raised from the dead, the first fruits of those who are asleep. ²¹For since by a man *came* death, by a man also *came* the resurrection of the dead. ²²For as in Adam all die, so also in Christ all will be made alive. ²³But each in his own order: Christ the first fruits, after that those who are Christ's at His coming, ²⁴then *comes* the end, when He delivers up the kingdom to the God and Father, when He has abolished all rule and all authority and power. ²⁵For He must reign until He has put all His enemies under His feet.

1 Cô-rinh-tô 15.10-15.25

¹⁰Nhưng bởi ân-điễn của Đức Chúa TRỜI, tôi là tôi, và ân-điễn của Ngài hướng về tôi đã không chứng-tỏ vô ích; nhưng tôi đã lao-công thậm-chí nhiều hơn tất cả trong nhóm họ, tuy nhiên không phải tôi, song ân-điễn của Đức Chúa TRỜI với tôi. ¹¹Vậy thì dù tôi hay họ, như thế chúng tôi thuyết-giảng và như thế anh em đã tin.

Sự sống lại của những người chết (15.12-15.19)

¹²Bây giờ nếu Cơ-rít-tô được thuyết-giảng, rằng Ngài đã được vực dậy từ kẻ chết, thế nào một số ở giữa anh em lại nói chẳng có sự sống lại của người chết? ¹³Song nếu chẳng có sự sống lại của người chết, thậm-chí Cơ-rít-tô chẳng đã được vực dậy; ¹⁴và nếu Cơ-rít-tô đã chẳng được vực dậy, thì việc thuyết-giảng của chúng tôi là vô ích và đức-tin anh em cũng là vô ích. ¹⁵Hơn nữa thậm-chí chúng tôi còn bị xem là các nhân-chứng giả của Đức Chúa TRỜI, vì chúng tôi đã làm chứng chống lại Đức Chúa TRỜI rằng Ngài đã vực Cơ-rít-tô dậy, Đấng mà Ngài đã chẳng vực dậy, nếu thật ra các người chết chẳng được vực dậy. ¹⁶Vì nếu các người chết chẳng được vực dậy, thậm-chí Cơ-rít-tô đã chẳng được vực dậy; ¹⁷và nếu Cơ-rít-tô đã chẳng được vực dậy, đức-tin anh em là vô giá-trị; anh em còn ở trong những tội của anh em. ¹⁸Thế thì những kẻ đã ngủ trong Cơ-rít-tô cũng đã diệt-vong. ¹⁹Nếu chúng ta đã hy-vọng nơi Cơ-rít-tô cho chỉ đời này, trong mọi người, chúng ta đáng thương-hại nhất.

Thứ-tự của sự sống lại (15.20-15.34)

²⁰Nhưng bây giờ Cơ-rít-tô đã được vực dậy từ kẻ chết, trái đầu tiên trong những kẻ ngủ. ²¹Vì từ lâu bởi một người sự chết *đã đến*, bởi một người cũng *đã đến* sự sống lại của kẻ chết. ²²Vì như trong A-đam tất cả đều chết, cũng vậy trong Cơ-rít-tô tất cả sẽ được làm sống. ²³Song mỗi người theo thứ-tự riêng của mình: Cơ-rít-tô là trái đầu tiên, sau đó những kẻ thuộc Cơ-rít-tô khi Ngài đến, ²⁴đoạn sự cuối-cùng *đến*, khi Ngài giao vương-quốc cho Đức Chúa TRỜI và Cha, khi Ngài đã xóa bỏ tất cả quyền cai-trị và tất cả thẩm-quyền và quyền-lực. ²⁵Vì Ngài phải trị-vì cho đến khi Ngài đặt tất cả những kẻ thù của Ngài dưới chân của Ngài.

1 Cô-rinh-tô 15.26-15.40

26Kẻ thù cuối-cùng sẽ bị xóa bỏ là sự chết. 27Vì “NGÀI ĐÃ KHUẤT-PHỤC TẤT CẢ NHỮNG SỰ VẬT DƯỚI BÀN CHÂN CỦA NGÀI.”⁽¹⁾ Nhưng khi Ngài nói: “Tất cả những sự vật bị khuất-phục,” hiển nhiên ngoại trừ Ngài, là Đấng đã làm mọi vật khuất-phục Ngài. 28Và khi mọi vật bị phục dưới Ngài, thì chính Con Trai cũng bị phục dưới Đấng đã đặt mọi vật dưới Ngài, để *Đức* Chúa TRỜI có thể là tất cả trong tất cả.

29Bằng chẳng vậy, những kẻ chịu báp-tem vì người chết sẽ làm gì? Nếu các người chết chẳng được vực dậy gì cả, thế thì tại sao họ chịu báp-tem vì chúng? 30Tại sao chúng tôi cũng trong sự nguy-hiểm mỗi giờ? 31Tôi xác-quyết, hỡi anh em, bởi việc khoe-khoang trong anh em, mà tôi có trong Cô-rít-tô Giê-xu Chúa của chúng ta, tôi chết hàng ngày. 32Nếu theo loài người tôi đã giao-chiến với các thú hoang tại Ê-phê-sô, nó đem lợi gì cho tôi? Nếu các người chết chẳng được vực dậy, “CHÚNG TA HÃY ĂN VÀ HÃY UỐNG, VÌ NGÀY MAI CHÚNG TA CHẾT.”⁽²⁾ 33Chớ bị đánh lừa: “Bạn-bè xấu làm hư đạo-đức tốt.” 34Anh em phải trở nên tỉnh táo, và hãy ngưng phạm-tội; vì một số không có một sự hiểu biết nào về *Đức* Chúa TRỜI. Tôi nói *vậy* để anh em hổ-thẹn.

Thân-thể sống lại (15.35-15.58)

35Nhưng có người sẽ nói: “Các người chết được vực dậy thế nào? Và với loại thân-thể gì họ đến?” 36Người khờ-dại! Cái mà người gieo không đến sự sống trừ phi nó chết; 37và cái mà người gieo, người không gieo cái hình-thể sẽ là, nhưng chỉ là một hạt giống trơn, có lẽ của lúa mì hay của vật gì khác. 38Nhưng *Đức* Chúa TRỜI cho nó một hình-thể y như Ngài muốn, và cho mỗi hạt giống một hình-thể của riêng nó. 39Tất cả xác-thịt không là cùng một thứ thịt, nhưng có *thịt* này của loài người, và *thịt* khác của các thú-vật, và *thịt* khác của chim, và *thịt* khác của cá. 40Cũng có các thể thuộc về trời và các thể thuộc về đất, nhưng vinh-quang của các thể thuộc về trời là một, và *vinh-quang* các thể thuộc về đất là một cái khác.

¹Thánh-thi 8.6

²Ê-sai 22.13; 56.12; Lu-ca 12.19

1 Corinthians 15.26-15.40

26The last enemy that will be abolished is death. 27For HE HAS PUT ALL THINGS IN SUBJECTION UNDER HIS FEET. But when He says, “All things are put in subjection,” it is evident that He is excepted who put all things in subjection to Him. 28And when all things are subjected to Him, then the Son Himself also will be subjected to the One who subjected all things to Him, so that God may be all in all.

29Otherwise, what will those do who are baptized for the dead? If the dead are not raised at all, why then are they baptized for them? 30Why are we also in danger every hour? 31I affirm, brethren, by the boasting in you, which I have in Christ Jesus our Lord, I die daily. 32If according to man I fought with wild beasts at Ephesus, what does it profit me? If the dead are not raised, LET US EAT AND DRINK, FOR TOMORROW WE DIE. 33Do not be deceived: “Bad company corrupts good morals.” 34Become sober-minded as you ought, and stop sinning; for some have no knowledge of God. I say *this* to your shame.

The resurrection body (15.35-15.58)

35But someone will say, “How are the dead raised? And with what kind of body do they come?” 36You fool! That which you sow does not come to life unless it dies; 37and that which you sow, you do not sow the body which is to be, but a bare grain, perhaps of wheat or of something else. 38But God gives it a body just as He wished, and to each of the seeds a body of its own. 39All flesh is not the same flesh, but there is one *flesh* of men, and another flesh of beasts, and another flesh of birds, and another of fish. 40There are also heavenly bodies and earthly bodies, but the glory of the heavenly is one, and the *glory* of the earthly is another.

1 Corinthians 15.41-15.54

41There is one glory of the sun, and another glory of the moon, and another glory of the stars; for star differs from star in glory. 42So also is the resurrection of the dead. It is sown a perishable *body*, it is raised an imperishable *body*; 43it is sown in dishonor, it is raised in glory; it is sown in weakness, it is raised in power; 44it is sown a natural body, it is raised a spiritual body. If there is a natural body, there is also a spiritual *body*. 45So also it is written, “The first MAN, Adam, BECAME A LIVING SOUL.” The last Adam *became* a life-giving spirit. 46However, the spiritual is not first, but the natural; then the spiritual. 47The first man is from the earth, made of dust; the second man is from heaven. 48As is the earthy, so also are those who are earthy; and as is the heavenly, so also are those who are heavenly. 49And just as we have borne the image of the earthy, we shall also bear the image of the heavenly.

The mystery of resurrection (15.50-15.58)

50Now I say this, brethren, that flesh and blood cannot inherit the kingdom of God; nor does the perishable inherit the imperishable. 51Behold, I tell you a mystery; we will not all sleep, but we shall all be changed, 52in a moment, in the twinkling of an eye, at the last trumpet; for the trumpet will sound, and the dead will be raised imperishable, and we shall be changed. 53For this perishable must put on the imperishable, and this mortal must put on immortality. 54But when this perishable will have put on the imperishable, and this mortal will have put on immortality, then will come about the saying that is written, “DEATH IS SWALLOWED UP” in victory.

1 Cô-rinh-tô 15.41-15.54

41Có vinh-quang của mặt trời, và vinh-quang khác của mặt trăng, và vinh-quang khác của các ngôi sao; vì ngôi sao này khác với ngôi sao kia trong vinh-quang. 42Cũng như thế với sự sống lại của kẻ chết. Nó được gieo một *thân-thể* hay hư-nát, nó được vục sống lại một *thân-thể* không thể tiêu diệt được; 43nó được gieo trong nhục-nhã, nó được vục sống lại trong vinh-quang; nó được gieo trong sự yếu-đuối, nó được vục sống lại trong quyền-năng; 44nó được gieo *thân-thể* thiên-nhiên, nó được vục dậy *thân-thể* thuộc-linh. Nếu có *thân-thể* thiên-nhiên, cũng có *thân-thể* thuộc-linh. 45Cũng như thế được viết: “NGƯỜI NAM đầu tiên, A-đam, ĐÃ TRỞ THÀNH MỘT HỒN SỐNG.”⁽¹⁾ A-đam cuối *đã* trở thành một linh ban sự sống. 46Tuy nhiên, *thân-thể* thuộc-linh không là đầu tiên, nhưng *thân-thể* thiên-nhiên; đoạn *thân-thể* thuộc-linh. 47Người nam thứ nhứt là từ trái đất, được làm bằng bụi đất; người nam thứ hai là từ trời. 48Như là người thuộc về đất *thể nào*, cũng như thế những kẻ thuộc về đất; và như là người thuộc về trời *thể nào*, cũng vậy những kẻ thuộc về trời. 49Và y như chúng ta đã được sinh ra hình-ảnh của người thuộc về đất, chúng ta cũng sẽ mang hình-ảnh của người thuộc về trời.

Màu-nhiệm của sự sống lại (15.50-15.58)

50Bây giờ tôi nói điều này, hỡi anh em, rằng thịt và máu chẳng có thể thừa-kế vương-quốc của Đức Chúa TRỜI; vật hay hư-nát cũng không thừa-kế vật không thể hư-nát được. 51Này, tôi nói cho anh em biết một sự màu-nhiệm; chúng ta sẽ không ngủ cả, nhưng chúng ta sẽ được biến đổi hết, 52trong chốc-lát, trong cái nháy mắt, ở tiếng kèn trom-bét cuối cùng; vì kèn trom-bét sẽ thổi tiếng, và các người chết sẽ được vục dậy không thể hư-nát, và chúng ta sẽ được biến đổi. 53Vì cái hay hư-nát này phải mặc lấy cái không thể hư-nát, và cái sẽ chết này sẽ phải mặc lấy sự bất tử. 54Nhưng khi cái hay hư-nát này sẽ mặc lấy cái không thể hư-nát rồi, và cái sẽ chết này sẽ mặc lấy sự bất tử rồi, thì lời nói được viết sẽ xảy đến: “SỰ CHẾT ĐÃ BỊ NUỐT MẮT”⁽²⁾ trong đắc-thắng.

¹Sáng-thể 2.7; Rô-ma 5.14; 8.2; Giăng 5.21; 6.57

²Ê-sai 25.8

1 Cô-rinh-tô 15.55-16.11

55“BỚ SỰ CHẾT, ĐÂU LÀ SỰ ĐẮC-THẮNG CỦA MÀY? BỚ SỰ CHẾT, ĐÂU LÀ NỌC ĐỘC CỦA MÀY?”⁽¹⁾ 56Nọc độc của sự chết là tội, và quyền-năng của tội là luật-pháp; 57song tạ ơn Đức Chúa TRỜI, Đấng cho chúng ta sự đắc-thắng qua Chúa Giê-xu Cơ-rít-tô của chúng ta. 58Bởi vậy, anh em yêu-dấu của tôi ơi, hãy kiên-trì, không dôi-đổi, luôn luôn phong-phú trong việc làm của Chúa, biết rằng công khó của anh em không vô-ích trong Chúa.

C. LỜI KẾT THƯ (16.1-16.24)

Lời chỉ bảo về dâng-hiến (16.1-16.4)

16 **1**Bây giờ về việc góp tiền cho các thánh-đồ, như tôi đã bảo các hội-thánh ở Ga-la-ti, anh em cũng làm như thế. **2**Vào ngày đầu tiên của mỗi tuần, mỗi anh em hãy để riêng ra và để dành, như người ấy được phát-đặt, để không có các sự thu góp khi tôi đến. **3**Và khi tôi đến, hễ ai anh em tán-thành, tôi sẽ phái họ đi với các thư để đem quà của anh em tới Giê-ru-sa-lem; **4**và nếu thích-hợp cho tôi để cũng đi, họ sẽ đi với tôi.

Lời chỉ-dạy cuối cùng của Phao-lô (16.5-16.9)

5Nhưng tôi sẽ đến cùng anh em sau khi tôi đi qua Ma-xê-đoan, vì tôi đang đi qua Ma-xê-đoan; **6**và có lẽ tôi sẽ ở lại với anh em, hoặc thậm-chí trải qua mùa đông, để anh em có thể tiễn tôi đi trên đường của tôi bất cứ nơi nào tôi có thể đi. **7**Vì tôi không muốn *chỉ* gặp anh em bây giờ trong khi đi ngang qua; vì tôi hy-vọng ở lại với anh em trong một thời gian, nếu Chúa cho phép. **8**Song tôi sẽ ở lại trong Ê-phê-sô cho đến lễ Ngũ-tuần; **9**vì một cửa rộng cho sự phục-vụ hữu-hiệu đã mở ra cho tôi, và có nhiều kẻ địch.

Chỉ-bảo và chào thăm (16.10-16.24)

10Bây giờ nếu Ti-mô-thê đến, hãy để ý rằng người ở với anh em không có sự sợ-hãi, vì người làm công việc của Chúa, cũng như tôi làm. **11**Bởi vậy chớ để ai khinh người. Nhưng hãy tiễn người đi trên đường đi của người trong bình-an, ngõ hầu người có thể đến cùng tôi; vì tôi trông đợi người với các anh em *khác*.

1 Corinthians 15.55-16.11

55“O DEATH, WHERE IS YOUR VICTORY? O DEATH, WHERE IS YOUR STING?” 56The sting of death is sin, and the power of sin is the law; 57but thanks be to God, who gives us the victory through our Lord Jesus Christ. 58Therefore, my beloved brethren, be steadfast, immovable, always abounding in the work of the Lord, knowing that your toil is not *in vain* in the Lord.

C. THE CONCLUSION OF THE LETTER (16.1-16.24)

Directions for the offering (16.1-16.4)

16 **1**Now concerning the collection for the saints, as I directed the churches of Galatia, so do you also. **2**On the first day of every week let each one of you put aside and save, as he may prosper, that no collections be made when I come. **3**And when I arrive, whomever you may approve, I shall send them with letters to carry your gift to Jerusalem; **4**and if it is fitting for me to go also, they will go with me.

Paul's final instruction (16.5-16.9)

5But I shall come to you after I go through Macedonia, for I am going through Macedonia; **6**and perhaps I shall stay with you, or even spend the winter, that you may send me on my way wherever I may go. **7**For I do not wish to see you now *just* in passing; for I hope to remain with you for some time, if the Lord permits. **8**But I shall remain in Ephesus until Pentecost; **9**for a wide door for effective *service* has opened to me, and there are many adversaries.

Instructions and greetings (16.10-16.24)

10Now if Timothy comes, see that he is with you without fear, for he is doing the Lord's work, as I also am. **11**Therefore let no one despise him. But send him on his way in peace, so that he may come to me; for I expect him with the brethren.

¹Ô-sê 13.14

1 Corinthians 16.12-16.24

12But concerning Apollos our brother, I encouraged him greatly to come to you with the brethren; and it was not at all *his* desire to come now, but he will come when he has opportunity.

13Be on the alert, stand firm in the faith, act like men, be strong. **14**Let all that you do be done in love.

15Now I urge you, brethren (you know the household of Stephanas, that they were the first fruits of Achaia, and that they have devoted themselves for ministry to the saints), **16**that you also be in subjection to such men and to everyone who helps in the work and labors. **17**And I rejoice over the coming of Stephanas and Fortunatus and Achaicus, because they have supplied what was lacking on your part. **18**For they have refreshed my spirit and yours. Therefore acknowledge such men.

19The churches of Asia greet you. Aquila and Priscilla greet you heartily in the Lord, with the church that is in their house. **20**All the brethren greet you. Greet one another with a holy kiss.

21The greeting is in my own hand—Paul. **22**If anyone does not love the Lord, let him be accursed. O Lord, come! **23**The grace of the Lord Jesus be with you. **24**My love be with you all in Christ Jesus. Amen.

1 Cô-rinh-tô 16.12-16.24

12Nhưng về A-bô-lô người anh em của chúng ta, tôi đã hết sức khuyến-khích người đến cùng anh em với các anh em *đây*, và *người* chẳng muốn đi bây giờ chút nào; nhưng người sẽ đi khi người có cơ-hội.

13Hãy cảnh-giác, hãy đứng vững bằng đức-tin, hãy hành-động như đàn-ông, hãy kiên-quyết. **14**Anh em hãy làm mọi điều trong tình thương.

15Bây giờ tôi khấn-nài anh em, hỡi anh em (anh em biết gia-hộ của Sê-pha-na, rằng họ đã là những trái đầu tiên của A-chai, và rằng họ đã hiến mình cho sự hầu-việc cho các thánh-đồ), **16**rằng anh em cũng nên chịu phục những người như thế, và *chịu phục* mọi người giúp-đỡ công việc *của Chúa* và lao-động. **17**Và tôi vui-mừng vì Sê-pha-na và Phốt-tu-na và A-chai-cơ đến, vì họ đã cung-cấp điều đang thiếu về phần của anh em. **18**Vì họ đã làm tươi tỉnh lại linh của tôi và của anh em. Bởi vậy hãy công-nhận những người thể ấy.

19Các hội-thánh ở A-si chào thăm anh em. A-qui-la và Bê-rít-sin nồng-nhiệt chào-thăm anh em trong Chúa, với hội-thánh tại gia của họ. **20**Tất cả anh em chào thăm anh em. Hãy chào lẫn nhau bằng cái hôn thánh.

21Lời chào thăm này thì bằng chính tay của tôi—Phao-lô. **22**Nếu người nào không yêu-thương Chúa, hãy để kẻ đó bị rửa-sả. Chúa ôi, xin đến! **23**Xin ân-điền của Chúa Giê-xu ở với anh em. **24**Tình yêu-thương của tôi xin ở với tất cả anh em trong Cơ-rít-tô Giê-xu. A-men.